

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY
VIỆT NAM - CTCP
DN: C=VN, L=HÀ NỘI, CN=TỔNG CÔNG TY
LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0100106313
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.04.21 17:28:56+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM -
CTCP

Hà Nội, tháng 4 năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	3
1. Thông tin chung	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	8
4. Định hướng phát triển	11
5. Các rủi ro.....	15
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	20
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	20
2. Tổ chức và nhân sự	21
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	27
4. Tình hình tài chính Công ty mẹ.....	31
5. Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm	33
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty.....	34
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	38
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	38
2. Tình hình tài chính	39
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	40
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	41
4.1. Công tác chỉ đạo điều hành.....	41
4.2. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động	42
4.3. Công tác thị trường.....	42
4.4. Công tác quản lý tài chính	43
4.5. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động	44
4.6. Công tác phát triển nguồn nhân lực:.....	44
4.7. Xây dựng thương hiệu Tổng công ty:.....	44
4.8. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:	44

4.9. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng:	45
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty	45
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	46
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty	46
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty	53
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT	56
PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	58
1. Hội đồng quản trị	58
2. Ban Kiểm soát.....	59
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	60
PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024.....	63

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung

- Tên Công ty/ Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM – CTCP**
- Tên Tiếng Anh : Vietnam Machinery Installation Corporation – JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 02/10/2024.
- Vốn điều lệ : 797.261.040.000 đồng
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 797.261.040.000 đồng
- Địa chỉ : Số 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại : 024 38637747
- Website : <http://www.lilama.com.vn/>
- Mã cổ phiếu : LLM

Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (gọi tắt là LILAMA) trước đây là doanh nghiệp do Bộ Xây dựng sở hữu 100% vốn điều lệ; hoạt động trong các lĩnh vực xây lắp, gia công, chế tạo thiết bị cho các công trình công nghiệp và dân dụng với đội ngũ cán bộ, kỹ sư có trình độ khoa học kỹ thuật cao, công nhân lành nghề và phương tiện, máy móc thi công chuyên ngành tiên tiến.

❖ Giai đoạn 1960 - 1975:

Ngày 01/12/1960, Công ty Lắp máy được ra đời. Từ những bước chập chững đầu tiên, người thợ lắp máy đã tham gia lắp đặt thành công nhiều công trình công nghiệp, dân dụng và quốc phòng quan trọng như: Thủy điện Thác Bà, Cao Bằng, nhiệt điện Hàm Rồng, Lào Cai, Việt Trì, Ninh Bình, Uông Bí, khu công nghiệp Việt Trì, nhà máy phân đạm Hà Bắc, nhà máy đường Vạn Điểm 2, nhà máy Suppe phốt phát Lâm Thao, nhà máy cơ khí Cẩm Phả, nhà máy Dệt 8/3, nhà máy xi măng Hải Phòng mở rộng...

Năm 1960, Công ty đã vinh dự nhận cờ thi đua của Hồ Chủ tịch, nhiều lần được Chủ tịch nước tặng lẵng hoa, Chính phủ tặng cờ thi đua, bằng khen...

❖ **Giai đoạn 1976 - 1995:**

Ngày 11/10/1979, Công ty Lắp máy chuyển sang hoạt động theo mô hình Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy.

Từ năm 1993 khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng vọt, nhiều công trình có vốn đầu tư nước ngoài được triển khai đầu tư xây dựng. Những người thợ Lắp máy lại tiếp tục thực hiện, hoàn thành bàn giao nhiều công trình đúng, vượt tiến độ với chất lượng cao như công trình: Chân đế giàn khoan Dầu khí, nhà máy Giấy Bãi Bằng, nhà máy Giấy Tân Mai, lắp các trạm biến áp, trạm bù, gia công trên 3000 tấn cột điện thuộc hệ thống đường dây tải điện 500 KV Bắc Nam và hàng ngàn tấn cột phát sóng truyền hình Viba trong cả nước, gia công, chế tạo và lắp đặt thiết bị cho nhà máy bột ngọt VEDAN, nhà máy Xi măng Chinfon, Hải Phòng, thủy điện Trị An, Thác Mơ, Yaly đạt yêu cầu; tham gia thi công nhiều công trình có quy mô lớn ở nước ngoài như trường đại học Oran ở Algérie, nhà máy nhiệt điện ở Bungari, Liên bang Nga và các công trình ở I rắc, Libi... Đặc biệt chế tạo được các loại bình, bồn, bể chứa khí gas, chứa dầu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế cho các dự án như Shell Gas Hải Phòng, Sài Gòn Petro, Petro Việt Nam...

Ngày 01/12/1995, ngành Lắp máy Việt Nam lại một lần nữa chuyển đổi mô hình hoạt động từ Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy thành Tổng Công ty lắp máy Việt Nam. Đây là bước ngoặt, đánh dấu sự thay đổi to lớn về chất cho các doanh nghiệp nhà nước nói chung và Tổng Công ty lắp máy Việt Nam nói riêng.

Những đóng góp của LILAMA đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- + 1 Huân chương Chiến công
- + 5 Huân chương Độc lập hạng Ba
- + 2 Huân chương Độc lập hạng Nhì
- + 3 Huân chương Độc lập hạng Nhất

❖ **Giai đoạn 1996 - 2000:**

Ban Lãnh đạo LILAMA đã xây dựng "*Chiến lược phát triển Tổng Công ty đến năm 2010*", chia làm ba giai đoạn theo đúng định hướng phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đây là chiến lược phát triển đúng đắn, táo bạo, khoa học, phù hợp với thực tiễn phát triển của Tổng Công ty và đất nước.

Công tác chế tạo và lắp đặt thiết bị được áp dụng theo công nghệ hiện đại với những thiết bị thi công tiên tiến mang lại thành công to lớn cho ngành Lắp máy. Chất lượng sản phẩm được nâng cao, thời gian thi công được rút ngắn ví dụ như: nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1 công suất 440MW

trước đây lắp đặt trong 8 năm, nay nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2 có công suất gần gấp 1,5 lần thời gian thi công dưới 2 năm, nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có công suất 1.080MW chỉ thi công trong gần 2 năm. Tiến độ thi công các công trình được thực hiện nhanh chóng nhưng vẫn thỏa mãn các yêu cầu khắt khe về chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Trải qua quá trình phấn đấu, phát triển không ngừng, thành tích của Tổng Công ty được Đảng, Nhà nước ghi nhận và trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh vào năm 2000.

❖ **Giai đoạn 2001 - 2005:**

Đây là giai đoạn quyết định của LILAMA trong vai trò Tổng thầu EPC. Tổng Công ty lắp máy Việt Nam được giao là Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Uông Bí mở rộng công suất 300MW với vốn đầu tư gần 300 triệu USD. Sự kiện này đã đưa LILAMA từ vai trò làm thầu phụ thực hiện phần việc "C", nay trở thành nhà thầu chính. LILAMA đảm nhận toàn bộ cả phần "E" và "P", tức cả tư vấn thiết kế và cung cấp vật tư, thiết bị đối với công trình; dự án nhiệt điện Cà Mau 1 công suất 750MW với giá trị 360 triệu USD.

Năm 2005, LILAMA kỷ niệm 45 năm thành lập với dấu ấn đặc biệt quan trọng. Tại dự án Trung tâm Hội nghị Quốc gia - công trình được thực hiện theo tiêu chuẩn Châu Âu được xây dựng tại Việt Nam, LILAMA đã tập trung lực lượng tinh nhuệ nhất của mình để đảm nhận khối lượng công việc trên 40% toàn bộ dự án, bàn giao công trình đúng tiến độ và đạt chất lượng cao, phục vụ hội nghị thượng đỉnh APEC tháng 11/2005.

Những đóng góp của LILAMA cho sự nghiệp phát triển đất nước được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Tổng Công ty lắp máy Việt Nam được tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới. Sự kiện này khẳng định sự thành công của LILAMA trong quá trình đổi mới và phát triển, tạo ra các tiền đề cơ bản về cơ sở vật chất, năng lực quản lý để thực hiện thành công nhiệm vụ trong chiến lược phát triển của mình.

❖ **Giai đoạn 2006 - 2010:**

Năm 2006, LILAMA tiếp tục được chọn là nhà Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Cà Mau 2 công suất 750 MW với giá trị 330,3 triệu USD, tiếp đến là dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 1 công suất 450 MW giá trị gần 305 triệu USD. Chỉ trong thời gian 11 tháng, LILAMA ký 03 Hợp đồng EPC nhà máy điện với tổng công suất 1.950MW, tổng giá trị gần 1 tỷ USD (gồm cả nhà máy điện Cà Mau 1).

Quý I/2009, nhà máy Lọc dầu Dung Quất được bàn giao cho Chủ đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, những sản phẩm xăng dầu đầu tiên của Việt Nam được bắt nguồn từ đây. Tiếp đến là việc bàn giao đúng tiến độ nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1 tháng 4/2009, nhà máy xi măng Sông Thao tháng 11/2009. Các nhà máy thủy điện Sông Vàng, Sông Ông cũng đã hòa lưới điện quốc gia...

Ngày 9/4/2009, LILAMA tiếp tục ký 02 hợp đồng EPC dự án nhiệt điện Vũng Áng 1 công suất 1.200MW và dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 2 công suất 750MW với tổng giá trị hợp đồng gần 1,7 tỷ USD.

❖ **Giai đoạn 2010 - nay:**

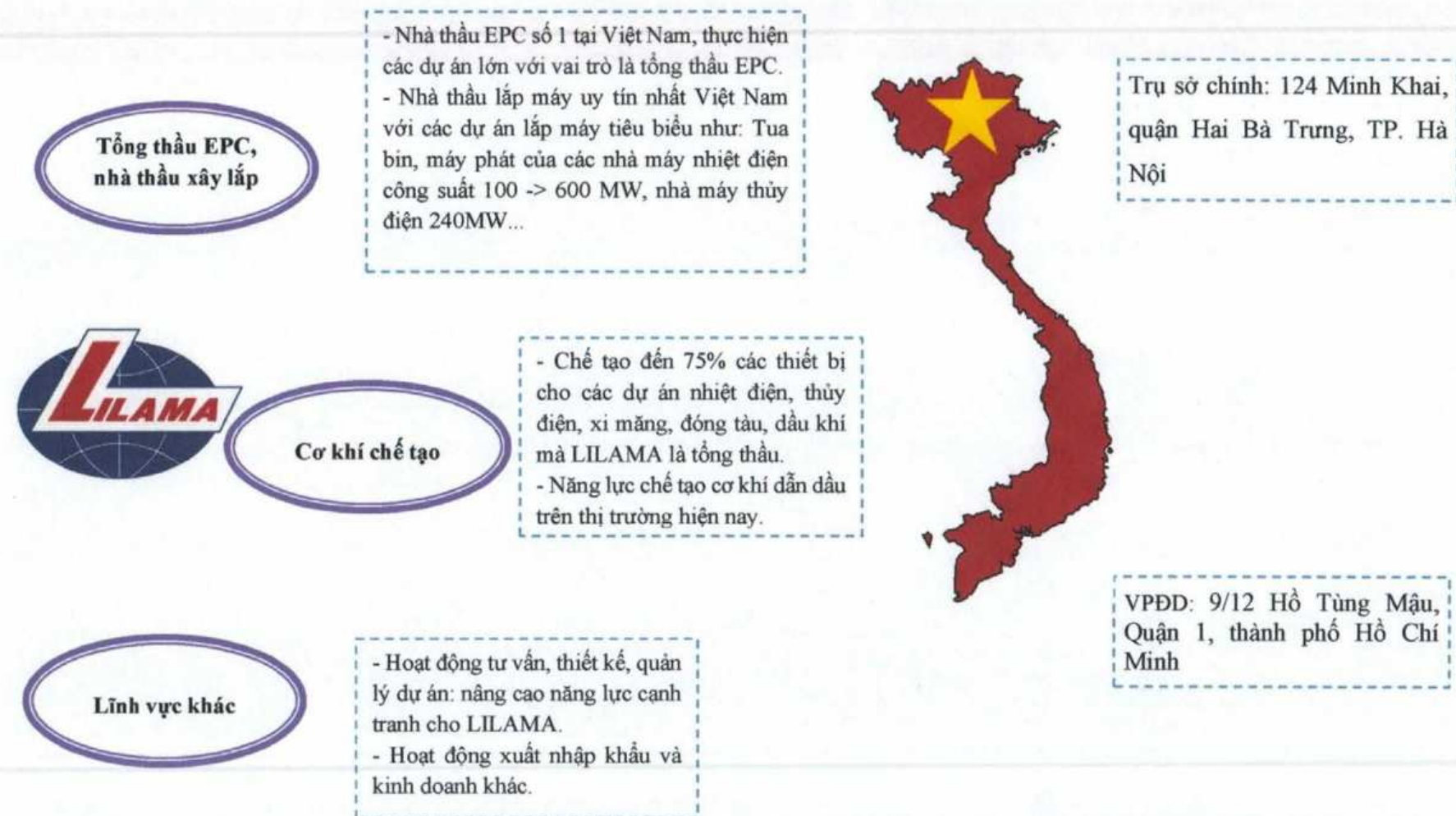
Năm 2010, LILAMA chuyển đổi sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 93/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà và đến năm 2012, Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà đã chuyển quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại LILAMA về Bộ Xây dựng theo Quyết định số 913/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

LILAMA đã thực hiện thành công, bàn giao đưa vào sử dụng ổn định dự án nhiệt điện đốt than Vũng Áng 1 có công suất lớn nhất tại Việt Nam; hoàn thành bàn giao dự án thủy điện Hòa Na, dự án nhiệt điện Sông Hậu 1, đang là thành viên của Liên doanh Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 3-4.

Cùng với việc làm Tổng thầu EPC tại các dự án trọng điểm quốc gia, LILAMA cũng đã mở rộng thị trường sang các dự án năng lượng xanh, đặc biệt là lĩnh vực chế tạo tổ hợp các Module (“Mô-đun”) thiết bị cỡ lớn cho các nhà máy sản xuất khí hydro xanh thông qua các hợp đồng chế tạo với các bạn hàng quốc tế để tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu là bước chuyển mình cần thiết để sớm tham gia vào xu thế chuyển dịch năng lượng với nguồn “Green Hydrogen – Hydro xanh” này. Đây là dấu mốc quan trọng khẳng định tay nghề và năng lực của LILAMA và chính thức tham gia vào các dự án năng lượng xanh, sạch cỡ lớn trên phạm vi toàn cầu, đồng thời LILAMA cũng là một trong những doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới tham gia vào chuỗi cung cấp dây chuyền sản xuất hydro xanh toàn cầu.

Trải qua 65 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành LILAMA đã thực hiện và bàn giao hàng ngàn dự án lớn nhỏ, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. LILAMA được đánh giá là Tổng thầu EPC hàng đầu Việt Nam, là một trong những nhà thầu xây lắp đứng đầu trong lĩnh vực thi công các công trình công nghiệp và dân dụng tại Việt Nam. Bước sang năm 2016, Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và chuyển thành Công ty cổ phần. Đến ngày 16/08/2017, cổ phiếu của Tổng Công ty đã chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán cho công ty chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán: LLM. Đây được đánh giá là một bước thay đổi quan trọng, hứa hẹn mở ra một giai đoạn phát triển thành công mới của Tổng Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP trong 02 năm gần nhất đến từ hoạt động xây lắp, cơ khí chế tạo (chiếm trên 97% trong cả hai năm gần nhất)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Tổng Công ty

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại tiết a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

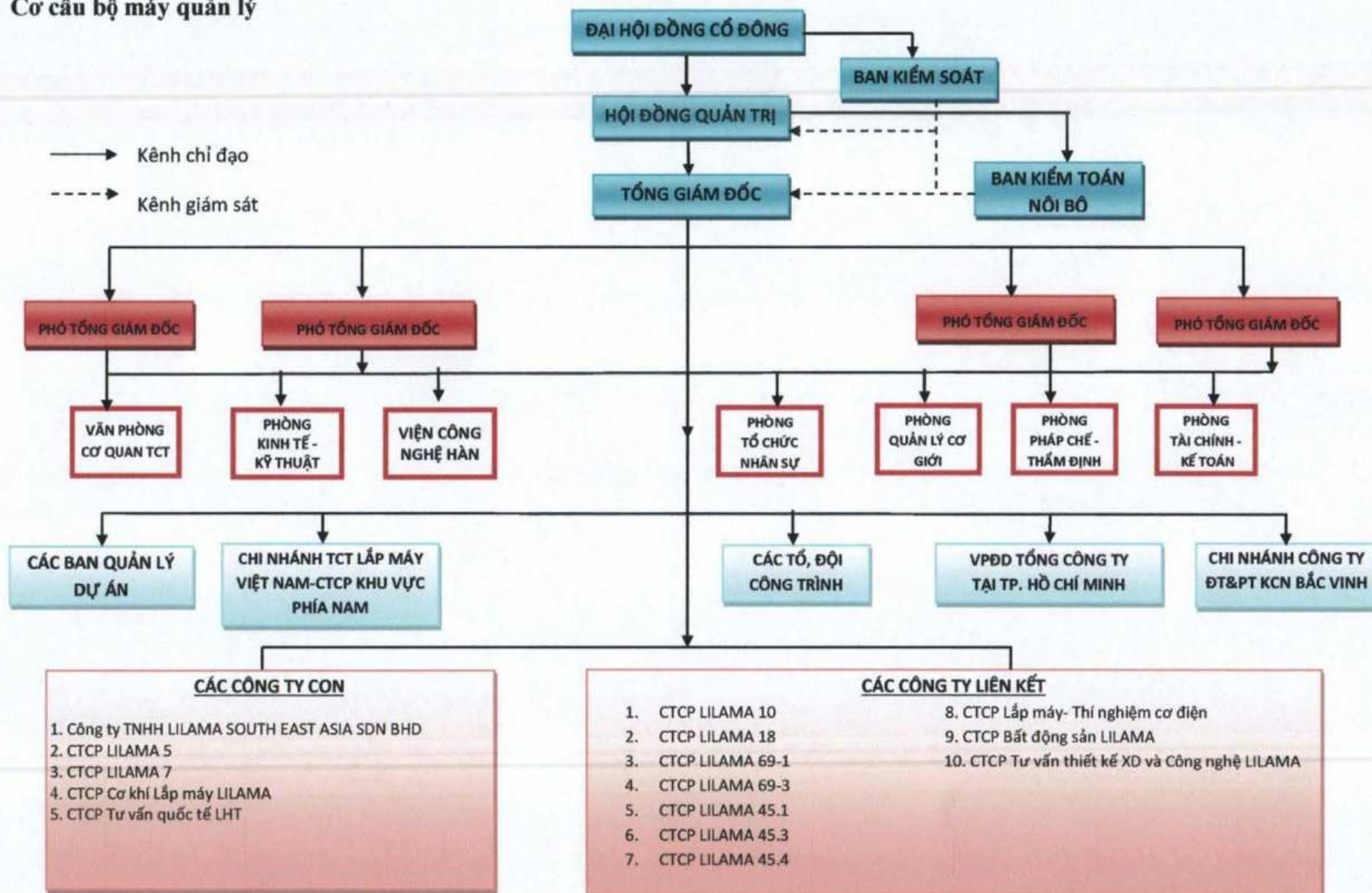


LILAMA sử dụng mô hình quản trị 3 cấp:

- Cấp Công ty: Bao gồm Ban điều hành Tổng Công ty (Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc).
- Cấp bộ phận: Bao gồm các trưởng, phó phòng của các phòng chức năng Tổng Công ty; người đại diện vốn của Lilama tại các công ty liên kết.
- Cấp chức năng: Bao gồm toàn bộ cán bộ công nhân viên của LILAMA, là người trực tiếp thực hiện các chính sách, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty vẫn luôn chú trọng đến những yếu tố nội tại - ngoại cảnh tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty, bao gồm: các rủi ro phát sinh trực tiếp trong quá trình hoạt động (như rủi ro về hoạt động kinh doanh, rủi ro về nhân lực...); những chiến lược phát triển phải phù hợp với tiềm năng của thị trường, tầm nhìn - sứ mệnh phát triển của Tổng Công ty; quan trọng nhất là đảm bảo việc tuân thủ những quy tắc, quy định của hệ thống pháp lý nơi diễn ra những hoạt động kinh doanh của LILAMA trong và ngoài nước.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con của LILAMA

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ (Triệu đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH	ĐỊA CHỈ
1.	Công ty TNHH LILAMA SOUTH EAST ASIA SDN BHD	17.102	99,00	Xây lắp, gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí	Liang, Brunei
2.	CTCP LILAMA 5	51.497	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	179 đường Trần Phú, Ba Đình, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa
3.	CTCP LILAMA 7	50.000	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Số 332, đường 2/9, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng
4.	CTCP Cơ khí Lắp máy LILAMA	32.651	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	72E đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
5.	CTCP Tư vấn quốc tế LHT	9.600	60,00	Tư vấn thiết kế các nhà máy công nghiệp	Tầng 3, Tòa nhà 21 tầng Lilama, 124 Minh Khai, Hà Nội

Các công ty liên kết

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ (Triệu đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
1.	CTCP LILAMA 10	98.900	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Tòa nhà Lilama 10, Lê Văn Lương, Nam Từ Liêm, Hà Nội

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ (Triệu đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
2.	CTCP LILAMA 18	93.887	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lầu 9/19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
3.	CTCP LILAMA 69-1	75.762	41,10	Cơ khí chế tạo, xây lắp	17 Lý Thái Tổ, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
4.	CTCP LILAMA 69-3	82.794	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	515 Điện Biên Phủ, phường Bình Hàn, Tp. Hải Dương
5.	CTCP LILAMA 45.1	48.000	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lô 11, Đường 319 B, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
6.	CTCP LILAMA 45.3	35.000	40,83	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Tp. Quảng Ngãi
7.	CTCP LILAMA 45.4	40.000	35,06	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Xa Lộ Hà Nội, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, P. Bình Đa, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
8.	CTCP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	15.000	36,18	Thí nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ	434-436 Nguyễn Trãi, Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
9.	CTCP Bất động sản LILAMA	104.713	27,93	Thương mại, dịch vụ BĐS, XNK,...	Tầng 2, số 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
10.	CTCP Tư vấn thiết kế Xây dựng và công nghệ LILAMA	4.400	45,45	Kinh doanh bất động sản	Tầng 1, Tòa nhà E3A, tòa nhà 12 tầng, khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

❖ Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất, về quy mô trong toàn Tổng Công ty, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong và ngoài nước, khẳng định LILAMA là thương hiệu hàng đầu của Việt Nam trong vai trò tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp, nhà chế tạo dây chuyền thiết bị đồng bộ của các dự án công nghiệp để tiến tới tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu của các công ty đa quốc gia.
- Xây dựng Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP trở thành doanh nghiệp mạnh, có tiềm lực tài chính, có trình độ công nghệ và quản lý hiện đại, phát triển tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính đã lựa chọn, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

❖ **Mục tiêu cụ thể**

- Mục tiêu về ngành nghề kinh doanh: Tập trung vào 2 ngành kinh doanh chính mà LILAMA có tiềm năng tăng trưởng, khả năng cạnh tranh cao là (1) Ngành EPC, xây lắp và (2) Ngành Cơ khí chế tạo.
- Mục tiêu về tài chính:
 - Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, xây dựng LILAMA có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, bền vững, hướng tới tăng trưởng;
 - Tăng quy mô vốn điều lệ để tăng nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển;
 - Tái cơ cấu nợ nhằm giảm hệ số nợ ở mức hợp lý, an toàn, giảm chi phí tài chính, đẩy nhanh vòng quay vốn, thay thế các khoản vay có thời gian vay ngắn, lãi suất cao bằng các khoản vay thời gian dài, lãi suất hợp lý và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp;
 - Tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả tối ưu, tập trung vốn đầu tư nâng cao năng lực cho các ngành sản xuất kinh doanh chính.
- Mục tiêu về tổ chức, nguồn nhân lực:
 - Hoàn thiện việc xây dựng cơ cấu tổ chức mới, tinh gọn và hoàn thành thoái vốn tại các đơn vị không thuộc ngành kinh doanh chính/hoạt động không hiệu quả.
 - Đảm bảo nhân lực đáp ứng kế hoạch phát triển trong các ngành kinh doanh chính căn cứ theo doanh thu. Nâng cao tỷ lệ sử dụng cán bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ.
 - Tinh giản bộ máy để phù hợp với mô hình hoạt động và tăng năng suất lao động.
 - Từng bước nâng cao hiệu quả của người lao động và thu nhập bình quân đầu người lên mức cao hơn.

– Mục tiêu về quản trị:

- Tổng Công ty tiếp tục đóng vai trò là nhà hoạch định, kiểm soát chiến lược; tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh; điều phối chung các hoạt động của doanh nghiệp có vốn góp của LILAMA và các nhà thầu; thoái vốn triệt để tại các đơn vị không thuộc ngành nghề kinh doanh chính hoặc đơn vị hoạt động kém hiệu quả, không phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty.
- LILAMA sẽ xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp và phù hợp với các thông lệ tốt của quốc tế, ban hành và áp dụng bộ qui tắc quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự công bằng, tính minh bạch, tính trách nhiệm

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chuẩn hóa và củng cố mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh để LILAMA trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế, đầy đủ khả năng và sức mạnh để đảm trách vai trò tổng thầu EPC các dự án công nghiệp lớn trong nước, tiếp tục khẳng định thương hiệu LILAMA để vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.
- Khẳng định vị trí đứng đầu Việt Nam về ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, tăng cường hơn nữa uy tín và khả năng cạnh tranh, chuẩn hóa hệ thống quản lý chất lượng để đáp ứng và đủ điều kiện tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu.

Các mục tiêu phát triển bền vững

LILAMA kiên định mục tiêu phát triển bền vững của mình là trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế; tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông; tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến nghề nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty; Đóng góp, xây dựng phát triển thị trường lắp máy Việt Nam trở thành một trong những mũi nhọn phát triển của đất nước, có tầm ảnh hưởng đến thị trường quốc tế; Đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

Mô hình phát triển bền vững của Tổng Công ty:

Cấp quản trị	Chức năng - Nhiệm vụ
Hội đồng quản trị	- Chỉ đạo chung về chiến lược - Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động
Ban Tổng giám đốc	- Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động trình HĐQT - Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt

Cấp quản trị	Chức năng - Nhiệm vụ
Các Phòng/Ban nghiệp vụ	- Thực hiện các kế hoạch hành động theo chỉ đạo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
Cán bộ, công nhân viên toàn Tổng Công ty	- Thực hiện các công việc cụ thể hàng ngày có liên quan đến các mục tiêu phát triển của Tổng Công ty và của Phòng, Ban nghiệp vụ.

Mô hình phát triển bền vững của LILAMA có nhiệm vụ gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh và định hướng phát triển bền vững của Tổng Công ty; nhờ đó mà mô hình này có ảnh hưởng tích cực đến những người liên quan cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Là một nhà thầu uy tín, LILAMA nhận thức rõ và có ý thức trách nhiệm cao trong công tác gìn giữ và bảo vệ môi trường. Trong tất cả những công trình mà LILAMA là nhà thầu chính hoặc chủ đầu tư, Tổng Công ty đều cố gắng giảm đến mức tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường, không để xảy ra khiếu nại/khiếu kiện về vấn đề an toàn môi trường; những phản ánh, đánh giá không tốt của đối tác về tiêu chuẩn chất lượng xây dựng và bảo vệ môi trường tại Việt Nam và trên thị trường quốc tế. Tổng Công ty đã cố gắng đầu tư mua sắm các trang thiết bị thi công hiện đại để đảm bảo mức hao phí nhiên liệu và khí thải được giảm thiểu tối đa.

Tổng Công ty cam kết bảo vệ và gìn giữ môi trường, tăng cường sức khỏe, an toàn và an ninh cho nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, cộng đồng nơi LILAMA hoạt động và cộng chúng nói chung. Trong các hoạt động của mình, Tổng Công ty luôn cố gắng để đảm bảo: *“Không có tai nạn, không có thiệt hại đối với môi trường tự nhiên và xã hội, tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, quyền con người, giá trị kinh tế và bản sắc văn hóa của cộng đồng ở những nơi có các hoạt động của LILAMA”*.

5. Các rủi ro

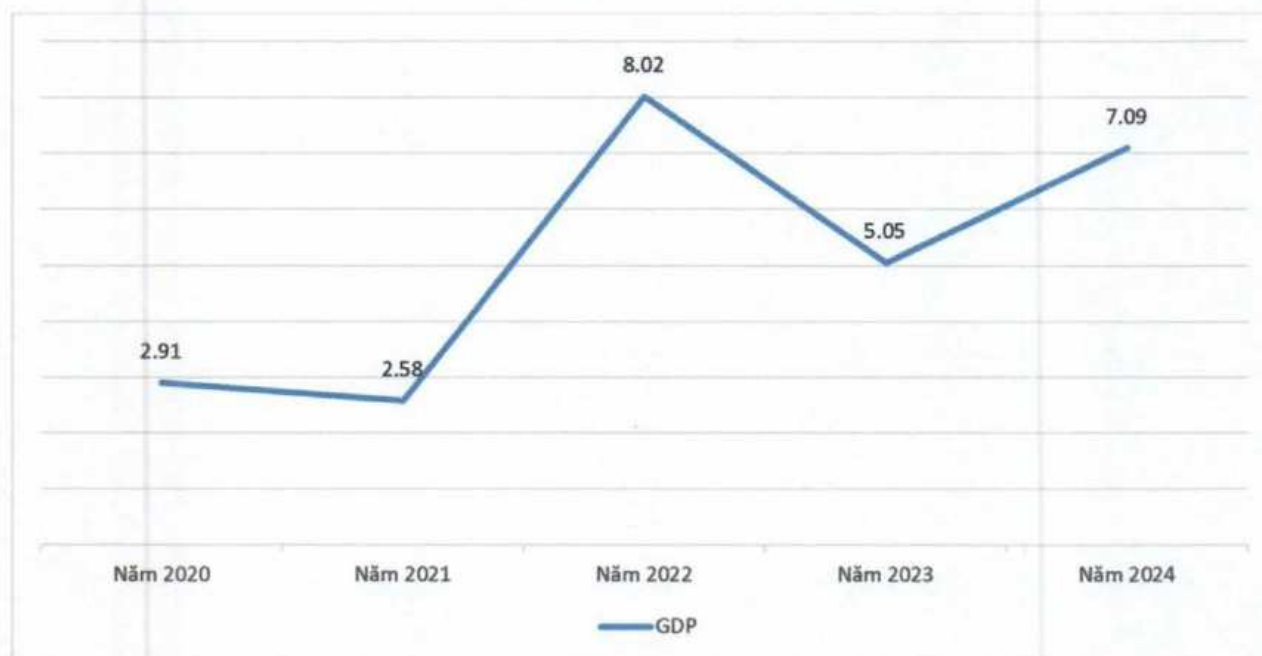
Rủi ro về nền kinh tế

Thực trạng nền kinh tế Việt Nam năm 2024

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục quá trình phục hồi với tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 3,2%, mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ xung đột địa chính trị và biến động thị trường. Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, cho phép các ngân hàng trung ương lớn bắt đầu hạ lãi suất trong nửa cuối năm 2024, tạo điều kiện nới lỏng các điều kiện tài chính. Tuy nhiên, nợ công toàn cầu tiếp tục gia tăng, ước tính đạt 100 nghìn tỷ USD, tương đương 93% GDP toàn cầu.

Tại Việt Nam, năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng GDP ấn tượng 7,09%, vượt chỉ tiêu 6,50-7,00% do Quốc hội đề ra. Quy mô GDP đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD, với GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2024 tăng 2,71%, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung là 3,63%, cho thấy sự ổn định trong kiểm soát giá cả. Nhìn chung, kinh tế Việt Nam năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, với các chỉ số kinh tế - xã hội đạt kết quả tích cực, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong những năm tiếp theo.

Tăng trưởng kinh tế 2020 – 2024 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Triển vọng kinh tế vĩ mô 2025

Kết quả tích cực trong tăng trưởng kinh tế năm 2024, tạo đà, khí thế mới để phấn đấu tăng trưởng bứt

phá trong năm 2025, chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng cao 2026 - 2030 và hiện thực hóa tầm nhìn của Đảng ta về kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII họp từ ngày 23 – 24/01/2025, Ban Chấp hành Trung ương thống nhất với mục tiêu tăng trưởng năm 2025 phấn đấu đạt 8% trở lên và tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 liên tục đạt 2 con số. GDP năm 2025 đạt 8% trở lên dựa trên các cơ sở như sau: 1- Chính phủ và bộ, ngành đang khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế, chính sách, nhằm gỡ bỏ những điểm nghẽn, rào cản của tăng trưởng: Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch, Luật Chứng khoán... đều này góp phần làm mới, đẩy mạnh hơn các động lực tăng trưởng truyền thống, như đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu..., đồng thời góp phần đẩy mạnh đầu tư công, khi dư địa vẫn còn rất lớn, dự kiến năm 2025, Chính phủ sẽ bố trí 800.000 tỷ đồng cho đầu tư công, tập trung vào các dự án hạ tầng trọng điểm, như đường cao tốc, sân bay Long Thành, hệ thống cảng biển và đường sắt cao tốc Bắc - Nam. Từ đó tạo nhiều dư địa cho việc gia tăng thêm nợ vay của Chính phủ và thúc đẩy chi tiêu đầu tư công, tiêu dùng trong nước. 2- Việc Chính phủ quyết tâm tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc với 154 dự án năng lượng tái tạo để đưa vào sử dụng là cần thiết. Điều này sẽ tiết kiệm được nhiều nguồn lực, tăng cường nguồn năng lượng xanh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nhất là các dự án FDI quy mô lớn. 3- Nghị quyết số 57 -NQ/TW, ngày 22-12-2024, của Bộ Chính trị, “Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” sẽ tháo gỡ các nút thắt về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và giải pháp đột phá để tăng cường thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ cao, như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây để Việt Nam chuyển mình mạnh mẽ sang nền kinh tế xanh và kinh tế số. 4- Cùng với đó, việc Chính phủ quyết liệt đưa vào thử nghiệm các mô hình phát triển mới, hiện đại, tạo đột phá phát triển, xây dựng và vận hành trung tâm tài chính quốc tế và khu vực tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng sẽ là kênh huy động nguồn vốn lớn đầu tư vào các dự án chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn; công nghệ cao trong lĩnh vực: điện tử, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, hydrogen; phát triển công nghệ tài chính; hạ tầng hiện đại, như đường sắt cao tốc Bắc - Nam, đường sắt đô thị...

Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện. Tổng Công ty sau khi cổ phần hóa sẽ hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực

và thuận lợi, giúp cho các doanh nghiệp có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019,... Những thay đổi này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Tổng Công ty nhưng cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, sự thay đổi của các văn bản pháp luật cũng làm nảy sinh rủi ro tranh chấp, kiện tụng, bồi thường nếu Tổng Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới.

Rủi ro đặc thù

- Rủi ro thị trường:

Đối với ngành nghề EPC: Thị trường và nguồn việc truyền thống của LILAMA đến từ các dự án nhà máy điện (nhiệt điện đốt than, khí, dầu; thủy điện), các dự án nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy xi măng, nhà máy hóa chất, nhà máy thép... Trong đó, các dự án nhiệt điện đốt than, thủy điện, lọc hóa dầu, xi măng chiếm tới 80% doanh thu của LILAMA. Trong thời gian tới, các dự án nhà máy nhiệt điện đốt than sẽ không được phép đầu tư do ảnh hưởng của phát thải tới môi trường, các nhà máy thủy điện cũng đã khai thác hết tiềm năng chỉ còn lại các dự án mở rộng và nâng công suất, các lĩnh vực còn lại cũng hạn chế đầu tư do thị trường tiêu thụ đã gần đến tiệm cận bão hòa hoặc chưa được bổ sung trong qui hoạch định hướng phát triển chung. LILAMA cũng không thể trông chờ vào nguồn việc từ các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) vì trong các dự án này tỷ trọng công việc sở trường của LILAMA chiếm tỷ trọng rất thấp. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn công việc của các doanh nghiệp xây lắp, đặc biệt là những doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng toàn cầu. LILAMA là một doanh nghiệp hội nhập sâu rộng với quốc tế, không ngoại lệ, bị tác động toàn cục lên toàn hệ thống trong những năm tới. Như vậy, thị trường công việc của LILAMA trong các lĩnh vực sở trường trong giai đoạn 2020-2025 đang có xu hướng giảm đáng kể, yêu cầu cấp thiết LILAMA phải xây dựng chiến lược tình thế thích hợp với điều kiện đã thay đổi, giảm chi phí, chú trọng duy trì thị trường và tìm kiếm cơ hội mở rộng sang một số lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng tiềm năng khác như các dự án cảng biển, cảng hàng không, đường sắt đô thị, tàu điện cao tốc, tàu điện ngầm,...

Đối với ngành nghề chế tạo: Nguồn công việc chủ yếu của LILAMA và các đơn vị thành viên đến từ các dự án kết hợp cùng với các dự án EPC, xây lắp và một số dự án chế tạo thiết bị xuất khẩu có đòi hỏi cao về yêu cầu kỹ thuật. Tương tự như thị trường EPC, xây lắp, trong giai đoạn 2021-2025 LILAMA cũng sẽ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn việc cho công tác chế tạo, đòi hỏi nhất thiết phải tìm kiếm một hướng đi mới.

- ***Rủi ro hoạt động:***

Do lĩnh vực hoạt động chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, đặc thù kinh doanh là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng chủ đầu tư lập dự toán còn chưa tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng Công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng Công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

- ***Rủi ro cạnh tranh:***

Tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thi công xây lắp trong ngành xây dựng ngày càng khốc liệt. Đặc biệt trong tương quan với tỷ lệ đầu tư công giảm thấp so với giai đoạn trước, các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh, đấu thầu để có được hợp đồng xây lắp. Do vậy doanh nghiệp xây lắp phải luôn tìm cách nâng cao năng lực công nghệ và kỹ thuật để tăng tính cạnh tranh giảm thiểu rủi ro có thể ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng, số lượng hợp đồng, cũng như doanh thu và lợi nhuận kỳ vọng.

- ***Rủi ro về biến động giá nguyên liệu, thiết bị đầu vào:***

Các dự án mà LILAMA thực hiện thường có tiến độ dài, giá trị vật tư, thiết bị chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị hợp đồng. Do vậy, biến động giá cả hàng hóa (vật tư, thiết bị) đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của LILAMA.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của biến động giá, ngoài việc duy trì và phát triển mạng lưới các đối tác cung ứng truyền thống, LILAMA còn chủ động kiểm soát chi phí bằng cách tính đến yếu tố biến động giá, trượt giá ngay từ các khâu chuẩn bị hồ sơ dự thầu, thương thảo và ký kết hợp đồng.

- ***Rủi ro về chi phí vốn vay:***

Tổng Công ty có tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn tương đối thấp, do đó chi phí lãi vay trở thành yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng Công ty. Khi lập kế hoạch kinh doanh và dự án đầu tư, lãi suất tiền vay đã được dự tính. Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay. Do đó, những dự kiến trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư có thể chịu tác động xấu từ rủi ro chi phí vốn vay.

Rủi ro môi trường

Những rủi ro về môi trường do thiên nhiên gây ra là các nguyên nhân khách quan như thiên tai, lũ lụt, động đất, v.v là những nguyên nhân bất khả kháng. Do đó, Tổng Công ty phải có những chủ trương, cách thức phòng tránh và khắc phục về hậu quả do thiên tai, môi trường gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn bộ hệ thống.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	CÔNG TY MẸ			HỢP NHẤT		
	Năm 2023	Năm 2024		Năm 2023	Năm 2024	
		Giá trị	Tăng trưởng (%)		Giá trị	Tăng trưởng (%)
Tổng giá trị tài sản	5.696,37	5.456,85	-4,20%	6.370,13	6.116,54	-3,98%
Vốn chủ sở hữu	950,87	997,20	4,87%	943,48	978,24	3,68%
Doanh thu thuần	5.013,30	6.063,68	20,95%	5.079,03	6.101,32	20,13%
Giá vốn hàng bán	4.886,40	5.962,37	22,02%	4.959,39	5.995,28	20,89%
Lợi nhuận gộp	126,90	101,31	-20,17%	119,64	106,04	-11,37%
Doanh thu tài chính	172,64	141,19	-18,22%	139,19	147,18	5,74%
Chi phí tài chính	144,50	127,96	-11,44%	131,05	132,40	1,03%
Lãi từ công ty LK	-	-	-	(22,40)	1,31	105,84%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	100,63	39,35	-60,90%	119,78	55,99	-53,26%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	54,41	75,19	38,18%	(14,40)	66,14	559,33%
Lợi nhuận khác	4,20	20,46	386,74%	2,30	16,68	626,09%
Lợi nhuận trước thuế	58,62	95,64	63,17%	(12,10)	82,81	784,28%
Lợi nhuận sau thuế	58,43	94,22	61,24%	(19,50)	79,22	506,33%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2024 của LILAMA

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH 2024
1.	Sản lượng	4.880,0	6.063,7	124,2%
2.	Doanh thu	4.880,0	6.063,7	124,2%
3.	Lợi nhuận trước thuế	60,0	95,6	159,3%
4.	Nộp ngân sách nhà nước	40,0	106,6	266,5%
5.	Tỷ lệ cổ tức (%)	3,0%/năm	Dự kiến 3,5%/năm	116,7%
6.	Đầu tư	51,0	1,1	2,2%
7.	Quỹ lương NLĐ	363,27	386,17	106,3%

Các yếu tố làm doanh thu thực hiện năm 2024 tăng cao hơn so với kế hoạch dự kiến:

- Do nhu cầu cấp bách cung cấp điện đảm bảo an ninh năng lượng cho khu vực miền Nam, miền Trung nói riêng và hệ thống điện quốc gia nói chung nên CĐT/Tổng thầu yêu cầu LILAMA với tiềm lực sẵn có (nhân lực, máy móc thiết bị thi công...) đẩy nhanh tiến độ thi công vì vậy doanh thu năm 2024 tăng vọt so với kế hoạch dự kiến tại các dự án trọng điểm như Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2;
- Tiến độ gia công chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị cơ khí module điện phân xuất khẩu cho Nhà máy sản xuất Hydrogen NEOM tăng vượt kế hoạch dự kiến;
- Công tác quyết toán với Tổng thầu nước ngoài tại các dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Long Sơn; Nhà máy Nhiệt điện Văn Phong 1 hoàn thành trước kế hoạch;
- Công tác thi công và thu hồi vốn tại các công trình sử dụng vốn Ngân sách nhà nước đảm bảo đúng tiến độ theo Hợp đồng đã ký;
- Do sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý điều hành một cách linh hoạt, khoa học hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bùi Đức Kiên	19/12/1971	Chủ tịch HĐQT	29/06/2021	-
2	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	Thành viên HĐQT	29/06/2021	-

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
3	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	Thành viên HĐQT	29/06/2021	-
4	Nguyễn Hữu Thành	03/09/1963	Thành viên HĐQT	29/06/2021	28/06/2024
5	Trần Vũ Vương	28/12/1971	Thành viên HĐQT	29/06/2021	-
6	Nguyễn Mạnh Dũng	22/01/1970	Thành viên HĐQT	28/06/2024	-

Một số thông tin tóm tắt lý lịch về thành viên Hội đồng quản trị

Ông Bùi Đức Kiên - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 20.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 22.224.130 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 27,901%

Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị (đã nghỉ hưu)

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 50.800 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 19.931.526 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 25,064%

Ông Nguyễn Văn Hùng –Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 31.300 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 11.958.916 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15,036%

Ông Nguyễn Hữu Thành –Thành viên Hội đồng quản trị (đã nghỉ hưu)

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 10.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,013%

Ông Trần Vũ Vương – Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 2.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 11.958.916 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15,003%

Ông Nguyễn Mạnh Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 12.200 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 11.958.916 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15,015%

2.2 Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	15/02/1981	Trưởng Ban kiểm soát	29/06/2021
2.	Lê Thị Thu Hồng	13/10/1976	Thành viên Ban kiểm soát	29/06/2021
3.	Trần Thương Huyền	20/07/1975	Thành viên Ban kiểm soát	29/06/2021

Thông tin tóm tắt về thành viên Ban kiểm soát:**Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm soát**

- Năm sinh: 1981
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 1.100 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,001%

Bà Lê Thị Thu Hồng – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 1.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,001%

Bà Trần Thương Huyền – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2.3 Ban Tổng giám đốc

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Văn Tuấn (*)	02/09/1963	Tổng giám đốc	29/03/2021	01/10/2024
2	Nguyễn Văn Hùng (**)	27/02/1979	Tổng Giám đốc	01/10/2024	-
3	Nguyễn Hữu Thành (*)	03/09/1963	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2019	01/10/2024
4	Lê Quốc Ân	29/7/1970	Phó Tổng Giám đốc	12/05/2021	-
5	Nguyễn Mạnh Dũng	22/01/1970	Phó Tổng Giám đốc	12/05/2021	-
6	Hoàng Minh Khôi	25/09/1973	Phó Tổng Giám đốc	25/07/2022	-
7	Tô Phi Sơn	29/10/1984	Kế toán trưởng	01/11/2020	-

(*) Ông Lê Văn Tuấn và ông Nguyễn Hữu Thành nghỉ hưu hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/10/2024.

(**) Ông Nguyễn Văn Hùng được bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng Công ty từ ngày 01/10/2024. Trước đó, ông Nguyễn Văn Hùng là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

Một số thông tin tóm tắt về thành viên Ban Tổng giám đốc:

Ông LÊ VĂN TUẤN – Tổng giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông NGUYỄN VĂN HÙNG - Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông NGUYỄN HỮU THÀNH – Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông LÊ QUỐC ÂN - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật nhiệt và máy lạnh
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Ông NGUYỄN MẠNH DŨNG - Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông NGUYỄN HỮU THÀNH – Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông HOÀNG MINH KHÔI - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư thiết bị điện
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Ông TÔ PHI SƠN – Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1984
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 2.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,003%

2.4 Những thay đổi trong ban điều hành:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Hữu Thành	03/09/1963	Thành viên HĐQT	29/06/2021	28/06/2024
Ban Tổng giám đốc					
1	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	Tổng giám đốc	29/03/2021	01/10/2024
2	Nguyễn Hữu Thành	03/09/1963	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2019	01/10/2024
3	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	Tổng Giám đốc	01/10/2024	-

2.5. Cán bộ công nhân viên Tổng Công ty:

Cơ cấu lao động của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ		
1	Đại học và trên đại học	460	27,2%
2	Cao đẳng, trung cấp	27	1,6%
3	Công nhân kỹ thuật	364	21,5%
4	Lao động phổ thông	840	49,7%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng		
1	Viên chức quản lý doanh nghiệp (không thuộc diện ký Hợp đồng lao động)	8	0,5%
2	Lao động không xác định thời hạn	565	33,4%
3	Lao động hợp đồng có thời hạn	1108	65,5%
4	Lao động khác	10	0,6%
Tổng cộng		1.691	

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

➤ **Chế độ làm việc**

- LILAMA có một môi trường làm việc nghiêm túc, cởi mở và hợp tác. Tăng cường khả năng nghề nghiệp và phát triển năng lực cống hiến cá nhân của nhân viên.
- Chế độ làm việc dựa trên cơ sở của Bộ luật lao động.
- Các công cụ dụng cụ làm việc (như máy tính, mạng internet, văn phòng phẩm, máy fax, điện thoại cố định, bàn ghế ...) được trang bị đầy đủ theo nhu cầu công việc cũng như được hỗ trợ về kỹ thuật hiện đại.
- Các bộ phận sản xuất kinh doanh được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (như quần áo, găng tay, mũ, thắt lưng bảo hiểm ...). Công nhân làm việc theo ca, có thể làm thêm giờ, nhưng không vượt quá số giờ quy định so với luật hiện hành.

➤ **Chính sách tuyển dụng, thu hút lao động và đào tạo lao động**

- LILAMA hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp, là đơn vị hàng đầu về tổng thầu EPC, cơ khí chế tạo, cơ khí lắp máy, tư vấn thiết kế ... do vậy LILAMA luôn chú trọng tuyển

dụng những kỹ sư có trình độ để đáp ứng nhu cầu cho công việc của Tổng Công ty từ các trường Đại học kỹ thuật như: Bách Khoa Hà Nội, Xây dựng, Công nghiệp Thái Nguyên, Bách Khoa Đà Nẵng và những trường đại học danh tiếng khác trong và ngoài nước.

- Công tác tuyển dụng của LILAMA được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông báo tuyển dụng trên báo chí, tại các trường đại học và qua website của Tổng Công ty.
- Lao động sau khi được tuyển dụng vào Tổng Công ty được tiếp tục đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng theo chương trình về các chuyên đề: Quản lý dự án, quản lý thi công lắp đặt, quản lý chất lượng, giám sát chế tạo, quản lý vật tư, an toàn lao động, tiếng Anh, v.v..

➤ ***Thời gian làm việc và chính sách lương***

LILAMA tuyệt đối tuân thủ các quy định của Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành về thời gian làm việc (bao gồm cả làm thêm giờ) cũng như thời gian nghỉ ngơi của người lao động. Người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, hưởng lương cùng các chế độ phúc lợi khác theo quy định và theo tình hình thực tế của Tổng Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

a) Công tác đầu tư XD CB và máy móc thiết bị:

Trên cơ sở thận trọng đầu tư và tiết giảm các chi phí không cần thiết, trong năm 2024, Tổng công ty không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Để phục vụ công tác chế tạo, thi công các dự án, trong năm 2024, Tổng công ty đã đầu tư một số thiết bị, máy móc thi công với số tiền 1,1 tỷ đồng để đảm bảo khả năng đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án mà Tổng công ty đang thực hiện.

b) Đầu tư tài chính

➤ **Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết**

Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của LILAMA tại thời điểm 31/12/2024 là 569,7 tỷ đồng. Chi tiết tình hình của LILAMA vào các công ty thành viên như sau: 05 Công ty con với giá trị đầu tư 49,5 tỷ đồng; 10 Công ty liên kết với giá trị đầu tư 271,2 tỷ đồng; 07 doanh nghiệp khác với giá trị đầu tư 248,9 tỷ đồng.

Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Xây dựng thông qua tại văn bản số 5360/BXD-KHTC ngày 23/11/2023 và Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2024. Theo đó, LILAMA sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu

36% vốn điều lệ tại 02 công ty liên kết (Công ty CP LILAMA 10 và Công ty Cổ phần LILAMA 18) và thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty còn lại (19 công ty). Riêng đối với LILAMA SEA, trong thời gian tới, tùy thuộc vào tình hình việc làm tại Brunei và trong khu vực, Tổng Công ty sẽ xem xét lựa chọn việc để LILAMA SEA tiếp tục hoạt động theo phương án hiệu quả nhất hoặc chuyển nhượng/giải thể để thu hồi vốn.

➤ **Tình hình thu cổ tức, chi trả cổ tức**

- ✓ ***Tình hình thu cổ tức:*** Trong năm 2024, có 04 Công ty có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc chia cổ tức cho kết quả SXKD năm 2023 với tổng số tiền 19,82 tỷ đồng. Tổng số tiền các Công ty đã chi trả cổ tức cho Tổng công ty bằng tiền là 19,82 tỷ đồng.
- ✓ ***Tình hình chi trả cổ tức của Tổng công ty:*** Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền cổ tức cho các cổ đông theo đúng các quy định hiện hành, cụ thể:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức : 4,5% (01 cổ phiếu nhận 450 đồng)
- Hình thức chi trả : Bằng tiền mặt
- Thời gian chi trả cổ tức: : Trong quý 4/2024.

c) Tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2024, mặc dù tình hình kinh tế trong nước và quốc tế còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng của xung đột quân sự cũng như cuộc chiến tranh thương mại của các cường quốc, khiến cho mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, bằng sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao độ, Tổng công ty đã tập trung nguồn nhân lực, máy móc/thiết bị thi công, nguồn tài chính để thực hiện các Dự án đảm bảo bám sát tiến độ thực tế và kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng, an toàn, đáp ứng được các yêu cầu của Chủ đầu tư/Tổng thầu/Nhà thầu chính. Tình hình thi công các dự án trong năm 2024 như sau:

❖ **Tình hình thi công các dự án trong năm 2024 như sau:**

➤ **Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen West Coast:**

- Đã quyết toán Hợp đồng với Tổng thầu vào tháng 07/2024 và hoàn thành công tác thu hồi vốn vào cuối năm 2024;

➤ **Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen NEOM**

- Hạng mục chế tạo SKID và ống: Đã triển khai chế tạo các module cuối cùng thuộc Lot 24, công tác sơn và hoàn thiện đáp ứng yêu cầu;
- Hạng mục tổ hợp: Hiện tại xưởng chế tạo đã tổ hợp xong cho các module thứ 85 thuộc Lot 19;

- Hạng mục đóng kiện: Đã hoàn thành đóng kiện tới module thứ 80 của Lot 17 và xuất hàng ra cảng Hải Phòng đến module 70 của Lot 15;
- Tiến độ mua sắm vật tư cho Dự án đạt khoảng 98%.
- **Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen H2GS:**
 - Hạng mục tổ hợp: Hiện tại đã triển khai đến module thứ 6 của Lot 2.
 - Công tác đóng kiện bắt đầu vào tháng 02/2025;
 - Tiến độ mua sắm vật tư cho Dự án đạt khoảng 85%.
- **Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2:**
 - Ngày 20/08/2024, Tổng công ty đã được Tổng thầu cấp Chứng chỉ bàn giao (PAC) và thanh toán giá trị giữ lại (Bảo lãnh bảo hành);
 - Năm 2024, Ban dự án đã hoàn thành quyết toán khối lượng với Tổng thầu. Dự kiến hoàn thành toàn bộ công tác quyết toán trong năm 2025.
- **Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2:**
 - Một số mốc quan trọng đã đạt được trong năm 2024:
 - ✓ Hoàn thành thử áp Lò hơi số 1 ngày 17/01/2024.
 - ✓ Hoàn thành thử áp Lò hơi số 2 ngày 11/06/2024.
 - ✓ Hoàn thành mốc đốt lửa lần đầu Tổ máy số 1 vào ngày 22/07/2024.
 - ✓ Hoàn thành mốc đốt than Tổ máy số 1 vào ngày 25/11/2024.
 - Dự kiến một số mốc quan trọng đạt được trong năm 2025:
 - ✓ Hoàn thành mốc đốt than Tổ máy số 2 trong tháng 2/2025.
 - ✓ Vận hành thương mại tổ máy số 1 vào tháng 07/2025.
 - ✓ Vận hành thương mại tổ máy số 2 vào tháng 11/2025.
- **Dự án Nhiệt điện Văn Phong 1:**
 - Dự án đã hoàn thành và phát điện thương mại;
 - Đã hoàn thành công tác quyết toán với Tổng thầu trong năm 2024.
- **Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Long Sơn:**
 - Gói thầu G (Tổng thầu HEC): Toàn bộ các hạng mục công việc của gói thầu đã hoàn thành và bàn giao cho Tổng thầu vào cuối năm 2022. Hiện tại gói thầu đang trong giai đoạn bảo hành.
 - Gói thầu A1 (Tổng thầu TPSK): Toàn bộ các hạng mục nói trên của gói thầu đã hoàn thành vào giữa tháng 11/2023. Hiện tại, đang thực hiện công tác hoàn thiện đóng punch các hệ thống.
 - Gói thầu B (Tổng thầu SECL): Toàn bộ các hạng mục công việc đã hoàn thành và bàn giao cho Tổng thầu vào cuối tháng 06/2023. Hiện tại gói thầu đang trong giai đoạn bảo hành.

➤ **Dự án Nhà máy Điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4:**

- Một số mốc quan trọng đã đạt được trong năm 2024:
 - ✓ Nhận điện ngược cho sân trạm 220kV Nhơn Trạch 3 ngày 15/05/2024;
 - ✓ Hoàn thiện thử áp HRSG cho NT3 ngày 8/8/2024;
 - ✓ Hoàn thiện lắp đặt, chạy thử hệ thống xử lý nước, sản xuất nước Demin ngày 11/09/2024;
 - ✓ Hoàn thiện thử áp HRSG cho NT3 ngày 8/8/2024;
 - ✓ Hoàn thiện hệ thống dầu và khí, bắt đầu nhận dầu và khí vào ngày 30/9/2024;
 - ✓ Hoàn thiện lắp đặt, chạy thử và nhận nước hệ thống nước làm mát chính ngày 15/10/2024;
 - ✓ Hoàn thành nhận điện ngược cho sân trạm 500 KV ngày 27/12/2024.
- Dự kiến một số mốc quan trọng đạt được trong năm 2025:
 - ✓ Đốt lửa lần đầu và hoà đồng bộ cho Tổ máy NT3.
 - ✓ Hoàn thiện lắp đặt Tuabin, máy phát NT4.
 - ✓ Đốt lửa lần đầu và hoà đồng bộ cho Tổ máy NT4.
 - ✓ Phát điện thương mại cho tổ máy NT3 (COD).
 - ✓ Phát điện thương mại cho tổ máy NT4 (COD).

➤ **Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1:**

- Đang thực hiện công tác bảo hành mở rộng và thanh quyết toán theo quy định của Hợp đồng EPC. Dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

➤ **Dự án Nhiệt điện Long Phú 1: Dự án đang bị tạm dừng.**

➤ **Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1:**

- Dự án đã hoàn thành bao gồm cả công tác bảo hành;
- Chưa hoàn thành công tác quyết toán với Chủ đầu tư do liên quan đến chi phí phát sinh chưa lường hết phần xây dựng và lắp đặt của Dự án;
- Ngày 27/12/2024, Chủ đầu tư đã phê duyệt chi phí phát sinh và ký kết Phụ lục Hợp đồng với Tổng thầu LILAMA. Trong năm 2025, các Bên dự kiến sẽ hoàn thành công tác quyết toán dự án.

➤ **Các dự án khác:**

Ngoài các Dự án lớn đã nêu trên, Tổng công ty đã và đang triển khai thi công một số Dự án khác như:

- Trụ sở Tỉnh ủy Cà Mau, Bệnh viện U bướu Kiên Giang, Sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng...và các dự án sân trạm như sân trạm 220kV Đắc Oóc, Bờ Y, Vũng Áng. Công tác thi công và thu hồi vốn của các dự án này tuân thủ đúng theo Hợp đồng đã ký.
- Các dự án trạm bơm Kim Xá; Ngũ Kiên; Nguyệt Đức: Đã hoàn thành công tác thi công và thu hồi vốn.

3.2. Tình hình tài chính Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị: triệu đồng

	Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Vốn điều lệ	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
I	Các công ty con						
1	CTCP Lilama 5	291.380	(117.234)	51.498	49.486	(5.966)	(5.966)
2	CTCP Lilama 7	97.274	(39.170)	50.000	43.031	(20.399)	(20.399)
3	CTCP Cơ khí Lắp máy Lilama	181.390	6.036	32.652	67.939	(1.481)	(1.493)
4	CTCP Tư vấn quốc tế LHT	8.557	7.395	9.600	-	167	167
5	Công ty LILAMA SEA	74.896	50.807	17.102	-	2.809	2.809
II	Các công ty liên kết						
1	CTCP Lilama 10	1.379.556	282.745	98.900	1.073.199	31.529	27.564
2	CTCP Lilama 18	1.185.693	303.144	93.887	1.545.729	21.543	16.388
3	CTCP Lilama 69-1	655.479	(31.378)	75.762	123.941	(56.124)	(56.124)
4	CTCP Lilama 69-3	615.251	83.217	82.794	561.642	29.196	20.773
5	CTCP Lilama 45.1	497.513	(23.898)	48.000	34.821	(26.281)	(26.281)
6	CTCP Lilama 45.3	355.634	10.594	35.000	11.718	(6.966)	(6.966)
7	CTCP Lilama 45.4	115.519	(151.780)	40.000	-	(6.115)	(6.115)
8	CTCP Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	122.447	30.546	15.000	37.678	874	87
9	CTCP Lilama Land	122.836	113.011	104.713	23.088	6.116	4.835
10	CTCP TVTK XD và Công nghệ Lilama	2.156	2.069	4.400	-	(9)	(9)

4. Tình hình tài chính Công ty mẹ

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng (%)
Tổng giá trị tài sản	5.696.371.139.099	5.696.371.139.099	-4,20%
Nợ phải trả	4.745.500.921.879	4.745.500.921.879	-6,02%
Vốn chủ sở hữu	950.870.217.220	950.870.217.220	4,87%
Doanh thu thuần	5.013.303.019.960	5.013.303.019.960	20,95%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	54.413.005.071	54.413.005.071	38,18%
Lợi nhuận khác	4.202.979.643	4.202.979.643	386,74%
Lợi nhuận trước thuế	58.615.984.714	58.615.984.714	63,17%
Lợi nhuận sau thuế	58.431.025.999	58.431.025.999	61,24%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	27,29%	Dự kiến 29,62%	-4,20%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2024 của LILAMA

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,08	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,05	1,15
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	83,31	81,73
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	499,07	447,22
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	16,32	39,32

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,90	1,09
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,17	1,55
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,15	9,45
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,03	1,73
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	1,09	1,24

Nguồn: Tính toán căn cứ trên số liệu BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2023, 2024 của LILAMA

5. Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của LILAMA tại ngày 20/11/2024

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	78.032.404	97,88%	1		
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI	-	-			
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	-	-			
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
4	Công đoàn công ty	-	-			
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	-	-			
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-			
7	Cổ đông khác					
	- Trong nước	1.678.700	2,11%	347		347
	- Nước ngoài	15.000	0,01%	1		1
TỔNG CỘNG		79.726.104				
Trong đó: - Trong nước		79.711.104	99,99%			
- Nước ngoài		15.000	0,01%			
- Cá nhân		78.032.404	97,88%			
- Tổ chức		1.693.700	2,12%			

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty (79.726.104 cổ phần) hoàn toàn là cổ phần phổ thông, trong đó:

- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 79.706.304 cổ phần, chiếm 99,985% tổng số cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng (theo cam kết năm làm việc khi thực hiện cổ phần hóa đối với cán bộ CNV Tổng Công ty): 12.000 cổ phần, chiếm 0,015% tổng số cổ phần đang lưu hành.

Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Tổng Công ty là cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ.

Từ thời điểm chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần năm 2016 cho đến nay, LILAMA chưa thực hiện bất kỳ đợt tăng vốn cổ phần nào bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ hay phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Tổng Công ty không thực hiện thống kê.

Hoạt động của Tổng công ty phát sinh khí nhà kính chủ yếu từ quá trình thi công, vận hành máy móc và sử dụng năng lượng tại các công trường, nhà máy và văn phòng. Phát thải bao gồm cả trực tiếp (từ nhiên liệu đốt) và gián tiếp (từ tiêu thụ điện năng).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

LILAMA chú trọng áp dụng công nghệ thi công hiện đại, sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng tại một số cơ sở, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và đẩy mạnh đào tạo nội bộ về bảo vệ môi trường. Tổng Công ty đang từng bước xây dựng hệ thống kiểm kê phát thải và nghiên cứu thực hiện báo cáo ESG trong tương lai.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh, nhu cầu về máy móc thiết bị phục vụ việc thực hiện các hợp đồng EPC, hợp đồng xây lắp của Tổng Công ty tương đối lớn với các yêu cầu về chủng loại, kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ, ... đa dạng, phức tạp, đặc biệt là máy móc thiết bị cung cấp cho các dự án nhiệt điện đốt than. Các thiết bị như Tuabin, lò hơi, máy phát, ... cung cấp cho các dự án EPC luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với các loại nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công như: sắt

thép các loại, que hàn, sơn, cáp điện, các loại khí công nghiệp, ... là thường xuyên và phổ biến đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của LILAMA.

Nhằm đảm bảo chất lượng các công trình của mình, cũng như đảm bảo việc xây lắp các công trình hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, Tổng Công ty không chỉ tìm kiếm các nguồn cung cấp đa dạng đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của dự án, mà còn đáp ứng được các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Bằng cơ chế quản lý tốt việc nhập máy móc, nguyên nhiên vật liệu từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, LILAMA tin tưởng sẽ đóng góp phần nhỏ trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Trong năm, LILAMA sử dụng nguyên vật liệu chủ yếu phục vụ chế tạo thiết bị, lắp đặt cơ khí và xây dựng công trình công nghiệp. Các vật liệu phổ biến bao gồm thép tấm, ống thép, xi măng, vật liệu chịu lửa và linh kiện cơ khí.

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Tổng Công ty không thực hiện thống kê

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng tiêu thụ bao gồm điện năng (gián tiếp) và nhiên liệu (trực tiếp) tại các nhà máy, công trường và văn phòng. Hiện Tổng công ty không thực hiện thống kê

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Một số đơn vị đã áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng như cải tiến thiết bị, quy trình vận hành và tăng cường bảo trì định kỳ giúp giảm đáng kể tiêu hao năng lượng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng năm 2024: Tổng công ty không thực hiện thống kê

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Tổng Công ty không thực hiện thống kê.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hiện tại Tổng Công ty hoàn toàn tuân thủ các tiêu chuẩn và pháp luật về bảo vệ môi trường. LILAMA chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường là 0 đồng. Với ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường, LILAMA luôn cam kết việc hoàn toàn tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 là 1.579 người. Mức lương trung bình đối với người lao động Tổng công ty là 18,42 triệu đồng /người/ tháng.

➤ Chính sách an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và phúc lợi, an sinh xã hội

- Nâng cao nhận thức cho các nhân viên ở tất cả các cấp về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, quản lý môi trường và xã hội trong các hoạt động của Tổng Công ty.
- Xây dựng hệ thống và các quy trình tích hợp để ngăn ngừa ô nhiễm, chấn thương tại nơi làm việc, cải thiện sức khỏe, tăng cường tính bền vững về môi trường và xã hội, phù hợp với thông lệ quốc tế được nêu trong các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận.
- Tiến hành đánh giá rủi ro và tác động đối với an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, môi trường và xã hội. Có các biện pháp ngăn ngừa đối với các tác động tiêu cực, và nếu không thể ngăn ngừa thì giảm thiểu, giảm nhẹ, và/hoặc đền bù cho người lao động, cộng đồng và môi trường bị ảnh hưởng.
- Tuân thủ luật pháp quốc gia, các quy định và các yêu cầu khác liên quan đến lao động, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

a) Công tác lãnh đạo chỉ đạo

Đảng ủy, lãnh đạo Tổng công ty luôn quan tâm, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo đúng đối tượng, công khai, công bằng, dân chủ, chính xác, kịp thời và phù hợp với quy định. Qua đó, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ nhân viên, đảng viên phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Hội đồng thi đua khen thưởng của LILAMA luôn hoạt động tích cực, tổ chức các hoạt động thi đua khen thưởng thường xuyên hoặc theo chuyên đề rộng khắp toàn Tổng công ty, đặc biệt tại các công trường dự án trọng điểm của LILAMA. Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát trên cơ sở đăng ký thi đua, kết quả thi đua của từng đơn vị nhằm phát hiện và lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, dẫn đầu các phong trào thi đua để báo cáo Bộ Xây dựng biểu dương và nhân rộng điển hình tiên tiến.

b) Kết quả các phong trào thi đua

Công tác thi đua năm 2023 của LILAMA đã nhận được sự quan tâm đầy đủ của Đảng ủy, Lãnh đạo Tổng Công ty và Ban dự án. Các hoạt động này có ảnh hưởng sâu rộng, là nguồn cổ vũ động viên tích cực đến tinh thần người lao động, tạo dựng và giữ gìn được môi trường công việc ổn định, là động lực

thúc đẩy để toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực phấn đấu, chuyên tâm cho công việc, giúp LILAMA đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

c) Công tác khen thưởng

Năm 2024, Tổng công ty đã thẩm định hồ sơ, xét, đề nghị khen thưởng của năm 2023 đối với những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác. Số liệu như sau:

- Đối với tập thể:
 - Lao động tiên tiến: 24 tập thể
 - Giấy khen Tổng công ty: 22 tập thể
 - Tập thể lao động xuất sắc: 07 tập thể
 - Bằng khen của Bộ trưởng Bộ xây dựng: 04 tập thể
- Đối với cá nhân:
 - Lao động tiên tiến: 644 cá nhân
 - Giấy khen Tổng công ty: 230 cá nhân
 - Chiến sỹ thi đua cơ sở: 147 cá nhân
 - Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: 31 cá nhân
 - Chiến sỹ thi đua Ngành Xây dựng: (Đang chờ BXD xét duyệt)
 - Danh hiệu Niên hạn Ngành Lắp máy: 19 cá nhân
 - Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng: 18 cá nhân

d) Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng năm 2025.

Hội đồng thi đua khen thưởng Cơ quan Tổng công ty tiếp tục tiến hành rà soát, chuẩn bị hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua năm 2024 đối với tập thể, các nhân Tổng công ty đạt được những thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác.

Đẩy mạnh các phong trào thi đua, các đợt chiến dịch thi đua cao điểm trên các công trình dự án trọng điểm của LILAMA từ Bắc vào Nam với mục tiêu nâng cao năng suất, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

LILAMA đang từng bước nghiên cứu và tiếp cận các tiêu chuẩn tài chính xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời gian tới, công ty định hướng tích hợp các yếu tố môi trường vào quá trình đánh giá và triển khai dự án để đáp ứng yêu cầu của thị trường vốn xanh.

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH 2024
1.	Sản lượng	4.880,0	6.063,7	124,2%
2.	Doanh thu	4.880,0	6.063,7	124,2%
3.	Lợi nhuận trước thuế	60,0	95,6	159,3%
4.	Nộp ngân sách nhà nước	40,0	106,6	266,5%
5.	Tỷ lệ cổ tức (%)	3,0%/năm	Dự kiến 3,5%/năm	116,7%
6.	Đầu tư	51,0	1,1	2,2%
7.	Quỹ lương NLĐ	363,27	386,17	106,3%

Các yếu tố dẫn đến doanh thu thực hiện năm 2024 tăng cao hơn so với kế hoạch dự kiến:

- Do nhu cầu cấp bách cung cấp điện đảm bảo an ninh năng lượng cho khu vực miền Nam, miền Trung nói riêng và hệ thống điện quốc gia nói chung nên HĐQT/Tổng thầu yêu cầu LILAMA với tiềm lực sẵn có (nhân lực, máy móc thiết bị thi công...) đẩy nhanh tiến độ thi công vì vậy doanh thu năm 2024 tăng vọt so với kế hoạch dự kiến tại các dự án trọng điểm như Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2;
- Tiến độ gia công chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị cơ khí module điện phân xuất khẩu cho Nhà máy sản xuất Hydrogen NEOM tăng vượt kế hoạch dự kiến;
- Công tác quyết toán với Tổng thầu nước ngoài tại các dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Long Sơn; Nhà máy Nhiệt điện Vân Phong 1 hoàn thành trước kế hoạch;
- Công tác thi công và thu hồi vốn tại các công trình sử dụng vốn Ngân sách nhà nước đảm bảo đúng tiến độ theo Hợp đồng đã ký;
- Do sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý điều hành một cách linh hoạt, khoa học hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đề ra.

Trong năm 2024, mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung cũng như trong nước nói riêng còn nhiều bất ổn, chịu ảnh hưởng của cuộc xung đột Nga - Ucraina và chiến tranh Israel-Hamas gây ảnh

hường xấu đến nền kinh tế thế giới, khu vực và Việt Nam, khiến cho hoạt động SXKD của Tổng công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, bằng sự cố gắng, nỗ lực cao độ, Tổng công ty đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, cụ thể:

Doanh thu đạt 6.063,7/4.880,0 tỷ đồng, tương đương 124,2% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 95,6/60,0 tỷ, tương đương 159,3% so với kế hoạch; Nộp ngân sách nhà nước đạt 106,6/40 tỷ đồng, tương đương 266,5% so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản - đầu tư xây dựng cơ bản

Trên cơ sở thận trọng đầu tư và tiết giảm các chi phí không cần thiết, trong năm 2024, Tổng công ty không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Tuy nhiên, để phục vụ công tác chế tạo, thi công các dự án, trong năm 2024, Tổng công ty đã đầu tư một số thiết bị, máy móc thi công với số tiền 1,1 tỷ đồng để đảm bảo khả năng đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án mà Tổng công ty đang thực hiện.

Về tài sản ngắn hạn, tổng giá trị tại 31/12/2024 là 4.760.179.231.454 VND, chiếm 87,3% tổng tài sản giảm 271 tỷ VND so với năm 2023.

Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn tổng tài sản, cho thấy tính thanh khoản cao và định hướng tập trung vào hoạt động ngắn hạn. Tiền và tương đương tiền: 2.908 tỷ VND (chiếm 53,3% tài sản ngắn hạn) cho thấy khả năng thanh toán tức thời của Tổng Công ty tốt. Tuy nhiên các khoản phải thu ngắn hạn là 1.571 tỷ VND do đó, Tổng công ty cần có kế hoạch, chính sách thu hồi các khoản phải thu hợp lý.

Tài sản dài hạn là 696.668.405.260 đồng chiếm 12,8% tổng tài sản, tăng nhẹ 31,4 tỷ đồng so với năm 2023. Về cơ cấu tài sản dài hạn, tài sản cố định hữu hình là 54,68 tỷ đồng đã khấu hao đáng kể, tài sản đầu tư dài hạn 453,6 tỷ đồng ghi nhận chủ yếu là đầu tư vào công ty con và liên doanh, liên kết.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả năm 2024 giảm 285,85 tỷ đồng tương đương 6,02%, cho thấy Tổng công ty đang chủ động giảm bớt nghĩa vụ tài chính.

Về cơ cấu nợ phải trả ngắn hạn giảm 483 tỷ đồng so với năm 2023, các khoản chiếm tỷ trọng lớn như: Phải trả người bán ngắn hạn 1.457 tỷ đồng, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: 952 tỷ đồng, Người mua trả tiền trước: 319 tỷ đồng và Chi phí phải trả: 220 tỷ đồng. Nhìn vào cơ cấu này thấy được nợ của Tổng công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn, tạo áp lực thanh toán trong kỳ, nhưng phù hợp với đặc thù ngành xây lắp (ứng vốn, thanh toán theo tiến độ). Các khoản vay ngắn hạn và người mua trả tiền trước giảm đáng kể, phản ánh dòng tiền vận hành cải thiện và Tổng Công ty đang kiểm soát công nợ tốt hơn.

Do vốn điều lệ của Tổng công ty nhỏ so với quy mô hoạt động và nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu là vốn vay, dẫn tới chi phí tài chính tương đối lớn.

Về cơ cấu nợ dài hạn tăng nhẹ 30,6 tỷ đồng so với đầu năm, thành phần chính của nợ dài hạn bao gồm dự phòng phải trả dài hạn chiếm phần lớn với 421 tỷ đồng, vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 1,1 tỷ đồng ở mức thấp. Điều này cho thấy tỷ lệ vay dài hạn của Tổng Công ty thấp, ít rủi ro tài chính dài hạn, nợ dài hạn ít chủ yếu là dự phòng cho thấy Tổng công ty chủ động cao trong quản trị rủi ro.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a. Về công tác tổ chức:

- Tổng công ty đã và đang thực hiện cơ cấu lại tổ chức theo Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2025: Thành lập mới các Bộ máy quản lý dự án (BQLDA, Ban điều hành, Ban dự án), các đơn vị thi công trực tiếp (Chi nhánh, tổ đội công trình...) đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

b. Về công tác cán bộ, nhân sự:

- Tổng số lao động của Tổng công ty tính đến 31/12/2024 là 1.701 người, số lao động bình quân sử dụng năm 2024 là 1.747 người.
- Số lao động chấm dứt HĐLĐ, HĐ Đào tạo tập nghề 820 người.
- Số lao động tuyển mới 915 người.
- Số lao động tạm hoãn HĐLĐ 27 người.
- Điều động 49 lượt CBCNV cho các phòng ban, đơn vị và ban dự án.
- Số lao động nghỉ hưu: 07 người.
- Trong năm 2024, Tổng công ty có sự thay đổi lớn về lãnh đạo quản lý cấp cao. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ được Hội đồng quản trị chi đạo thực hiện theo đúng các quy chế, quy định hiện hành, theo đó:
 - + Ông Nguyễn Mạnh Dũng được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Tổng công ty;
 - + Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty đối với Ông Lê Văn Tuấn kể từ ngày 1/10/2024 theo Quyết định số 267.1/QĐ-HĐQT ngày 30/9/2024;
 - + Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Hùng giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 1/10/2024 theo Quyết định số 268/QĐ-HĐQT ngày 30/9/2024.
- Liên quan đến công tác tổ chức, Hội đồng quản trị đã ban hành các quyết định kiện toàn (Hội đồng thi đua khen thưởng; Ban chỉ đạo Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng...); Thông qua phương án

- giải thể các Ban dự án, Ban điều hành thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (Ban dự án Điện Nghi Sơn 2, Ban dự án Điện Vĩnh Tân 4, Ban dự án Lọc dầu Nghi Sơn, Ban tái cấu trúc)...
- Chi đạo tổ chức kiểm điểm, đánh giá cán bộ năm 2023 đối với tập thể, cá nhân người đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty và người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.
 - Đối với công tác quản lý Người đại diện vốn, trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thông qua phương án cử lại Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại một số công ty con, công ty liên kết; cho ý kiến chi đạo để người đại diện phần vốn Tổng công ty tại một số công ty con, công ty liên kết biểu quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Công tác chỉ đạo điều hành

Ban lãnh đạo Tổng công ty quyết tâm, tập trung mọi nỗ lực, thực hiện mọi giải pháp để chỉ đạo, điều hành Tổng công ty đương đầu và vượt qua mọi khó khăn, thách thức phía trước, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025.

Trong năm 2025, triển vọng kinh tế Việt Nam được dự báo tích cực, sẽ mang lại nhiều cơ hội và cả thách thức cho các DNNN trong đó có LILAMA khi là năm quyết định của giai đoạn 2021-2025 để tạo nền tảng tăng tốc, bứt phá, với mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 8%, hướng đến tốc độ tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tiếp theo; là năm đánh dấu bước ngoặt lớn khi đất nước thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn bộ máy tổ chức...Song song với đó là những rủi ro, thách thức vẫn còn hiện hữu như khủng hoảng địa chính trị gia tăng, khó đoán định; cạnh tranh chiến lược về thương mại; những thay đổi trong chính sách đối ngoại, kinh tế - xã hội diễn biến khó lường...; Đặc biệt, các quyết định của Hoa Kỳ liên quan đến chính sách thuế quan đối với Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới đang và sẽ gây nên sự gián đoạn của chuỗi cung ứng, từ đó định hình lại dòng chảy thương mại toàn cầu và sự dịch chuyển nguồn vốn FDI giữa các quốc gia...

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế, các dự án/công trình hiện hữu và tiềm năng, những yếu tố ảnh hưởng đối với thị trường, cùng với thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (Công ty mẹ) đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 nhằm đảm bảo khả năng thực hiện và hoàn thành ở mức cao nhất với một số chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ KH2025 /TH2024
1.	Sản lượng	6.083,5	6.576,9	108,1%
2.	Doanh thu	6.063,7	5.885,5	97,1%
3.	Lợi nhuận trước thuế	95,6	110,0	115,1%
4.	Nộp ngân sách nhà nước	106,6	100,0	93,8%
5.	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	Dự kiến 3,5%/năm	7,0%	200,0%
6.	Đầu tư	1,1	600,0	
7.	Quỹ lương NLĐ	386,17	351,59	91,05%

4.2. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động

- Tổng công ty tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung Đề án Cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Xây dựng và ĐHCĐ thông qua, trong đó tập trung chú trọng công tác thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
- Tiếp tục xây dựng, bổ sung, cập nhật, hoàn thiện các văn bản nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành cũng như quy mô tính chất đặc thù và điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Đối với công tác tổ chức, lao động: Không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, tinh giảm nhân sự các phòng ban; tuyển dụng mới, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động có trình độ phù hợp với thực tế công việc. Đồng thời, thực hiện sắp xếp lại các đơn vị thành viên theo các ngành nghề kinh doanh chính phù hợp với Đề án tái cơ cấu.

4.3. Công tác thị trường

Trong năm 2025, Tổng công ty tiếp tục thực hiện các Dự án đã ký hợp đồng như: Dự Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2, Dự án sản xuất module Hydrogen xanh xuất khẩu NEOM, Dự án nhà máy sản xuất Hydrogen H2GS và các dự án khác...

Định hướng công tác thị trường: Tổng công ty vẫn đang tập trung công tác tiếp thị, bám sát chủ đầu tư và các đối tác để được tham gia đấu thầu/thi công các dự án/gói thầu chuẩn bị thực hiện trong tương lai như dự án nhà máy điện khí, nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất Hydrogen xanh, nhà máy sản

xuất Amoniac xanh, trạm biến áp 500 kV... và các dự án trong lĩnh vực giao thông vận tải như cầu đường bộ, đường sắt tốc độ cao, sân bay, cảng biển...

Liên quan đến định hướng ngành nghề, trong thời gian tới Tổng công ty tiếp tục tập trung vào 02 ngành kinh doanh chính là EPC, xây lắp và Cơ khí chế tạo.

(1) Ngành EPC, xây lắp:

- Ưu tiên khai thác các dự án công nghiệp điện (nhà máy, trạm điện, đường dây...) vì đây là thị trường tiềm năng, tăng trưởng vững do đã được Chính phủ quy hoạch ổn định.
- Tham gia nhiều hơn vào các dự án công nghiệp dầu khí (nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy khí, đường ống khí...), đặc biệt là các dự án đã nằm trong quy hoạch.
- Tiếp tục tham gia các dự án công nghiệp khác (xi măng, thép, vật liệu xây dựng...).
- Đón đầu các dự án lớn, trọng điểm của đất nước trong thời gian tới như các dự án đường sắt tốc độ cao, dự án nhà máy điện hạt nhân....

(2) Ngành Cơ khí chế tạo:

- Cơ khí xuất khẩu:
 - ✓ Tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cơ khí; tăng cường hợp tác quốc tế, từng bước tham gia vào chuỗi liên kết toàn cầu qua việc cung cấp các bộ phận, chi tiết hoặc hàng hóa trung gian khác phục vụ công tác lắp ráp sản phẩm cuối cùng cho các tập đoàn, công ty trên thế giới.
 - ✓ Tận dụng các cơ hội kinh doanh từ thị trường năng lượng mới (các dự án Hydro xanh, Amoniac xanh).
 - ✓ Đáp ứng xu hướng Modul hóa trong việc xây dựng các nhà máy công nghiệp trên thế giới.
- Chế tạo trong nước:
 - ✓ Bám sát Cơ chế thí điểm thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị các nhà máy nhiệt điện, tăng dần tỷ lệ nội địa hóa thiết bị trong các dự án công nghiệp mà LILAMA thực hiện.
 - ✓ Hợp lý hóa cơ cấu sản phẩm cơ khí theo hướng củng cố vững chắc danh mục sản phẩm hiện tại, đồng thời mở rộng danh mục sản phẩm chế tạo trong lớp công nghệ thiết bị phụ trợ cao cấp hơn phục vụ cho các dự án EPC, dự án năng lượng mới...

4.4. Công tác quản lý tài chính

Trong năm 2025, một trong những nhiệm vụ cấp thiết của Tổng công ty là phải đẩy mạnh công tác nghiêm thu khối lượng hoàn thành và thu hồi các khoản công nợ, nợ đọng để giảm thiểu hệ số nợ vay và chi phí tài chính phải gánh chịu, góp phần cải thiện tình hình tài chính cũng như bổ sung thêm nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.5. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động

- Tiếp tục thi công, hoàn thiện các công trình đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả các dự án đã ký kết hợp đồng.
- Quản lý chặt chẽ, hiệu quả nhằm giảm chi phí phát sinh, sử dụng tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu.

4.6. Công tác phát triển nguồn nhân lực:

- Để đạt được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, vấn đề con người luôn được lãnh đạo Tổng công ty đặc biệt quan tâm. Trong năm 2025, tiếp tục lập quy hoạch cán bộ, tìm người có trình độ phù hợp với từng vị trí công tác để từ đó đào tạo, bồi dưỡng.
- Số lượng lao động hiện nay tạm thời đáp ứng được nhu cầu triển khai thực hiện các dự án. Tuy nhiên, cần tiếp tục đào tạo để nâng cao hơn trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4.7. Xây dựng thương hiệu Tổng công ty:

- Tập trung chỉ đạo thi công các công trình hoàn thành với chất lượng, tiến độ, hiệu quả, an toàn và mỹ thuật cao, qua đó tiếp tục phát triển thương hiệu của LILAMA.
- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của LILAMA.
- Quảng bá hình ảnh của LILAMA qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu LILAMA.

4.8. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, thân thiện thể hiện qua các giá trị như: môi trường làm việc, các tiêu chuẩn trong công việc, thái độ giao tiếp...
- Xây dựng phong cách lao động có kỷ luật: Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động và đặc biệt là thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp ở trên từng phương tiện thiết bị, từng công trường, nhà máy... và trước hết ở cơ quan điều hành.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh: Luôn tôn trọng và sẵn sàng hợp tác với khách hàng, bạn hàng, Tự tin, trung thực trong công việc và là đối tác tin cậy của đối tác, khách hàng.

- Xây dựng phong cách văn minh và nếp sống văn hóa: Rèn luyện phong cách ứng xử văn minh cho mọi đối tượng, nhất là những đối tượng thường xuyên tiếp khách, giao tiếp với các đối tác trong và ngoài nước.

4.9. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng:

Tiếp tục phát huy và triển khai các phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng như truyền thống từ trước đến nay của LILAMA.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty

Tổng Công ty luôn tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam, không chỉ phục vụ trong lĩnh vực ngành nghề chính để khẳng định thương hiệu của mình, mà còn nhằm mục đích giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường trong quá trình hoạt động. Ngoài quảng bá hình ảnh của LILAMA qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... Tổng Công ty còn kêu gọi việc nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng Công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Lilama gắn với bảo vệ môi trường sống cho con người.

Tổng Công ty xây dựng Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng năm 2025 như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Đảm bảo và nâng cao chất lượng các công trình xây dựng” trong phạm vi toàn LILAMA với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác.
- Hướng nội dung các phong trào thi đua yêu nước vào giải quyết các vấn đề cấp bách, khó khăn, vướng mắc, những mặt còn tồn tại của LILAMA như tinh giản bộ máy, tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp toàn Tổng Công ty, tái cơ cấu doanh nghiệp, tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường và đấu thầu để có thêm nhiều dự án mới...
- Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao tạo không khí phấn khởi, đoàn kết, động viên cán bộ công nhân viên lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước. Đặc biệt quan tâm triển khai tại những công trình dự án xa trung tâm, những người lao động trực tiếp có điều kiện sống và làm việc gặp nhiều khó khăn.
- Tiếp tục tổ chức các phong trào thi đua liên kết, các đợt chiến dịch thi đua cao điểm trên các công trình dự án trọng điểm của LILAMA từ Bắc vào Nam đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn lao động. Đôn đốc thực hiện các chỉ thị hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng của Bộ, ban ngành và Chính phủ.

Công đoàn và Đoàn thanh niên Tổng Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống của CBCNV Tổng Công ty: Tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể thao, có nhiều hình thức động viên đối với con em CBCNV vào các dịp Tết trung thu, tết thiếu nhi, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt...

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

❖ *Đánh giá về Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:*

Trong năm 2024, mặc dù vẫn phải tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban điều hành Tổng công ty bằng sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao độ, đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý điều hành một cách chủ động, linh hoạt và hiệu quả; thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ được giao thích ứng với bối cảnh kinh tế xã hội, đưa LILAMA vượt qua khó khăn để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, các chế độ chính sách cho người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 (chỉ tiêu chính) của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (Công ty mẹ) so với các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHCĐ 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH 2024
1	Doanh thu	4.880,0	6.063,7	124,2%
2	Lợi nhuận trước thuế	60,0	95,6	159,3%
3	Nộp ngân sách nhà nước	40,0	106,6	266,5%
4	Tỷ lệ cổ tức (%)	3,0 %/năm	Dự kiến 3,5%/năm	116,7%
5	Đầu tư	51,0	1,1	2,2%
6	Quỹ lương NLĐ	363,27	386,17	106,3%

❖ *Đánh giá về Kết quả thực hiện công tác Đầu tư của Tổng Công ty*

➤ Đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị và đầu tư khác

Trên cơ sở thận trọng đầu tư và tiết giảm các chi phí không cần thiết, trong năm 2024, Tổng công ty không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Để phục vụ công tác chế tạo, thi công các dự án, Tổng công ty đã đầu tư một số thiết bị, máy móc thi công có giá trị 1,1 tỷ đồng để đảm bảo khả năng đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án mà Tổng công ty đang thực hiện.

➤ Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 569,7 tỷ

đồng, giá trị này không vượt Vốn điều lệ và Vốn Chủ sở hữu, trong đó: Đầu tư vào 05 Công ty con 49,5 tỷ đồng; đầu tư vào 10 Công ty liên kết 271,2 tỷ đồng và đầu tư vào 07 doanh nghiệp khác 248,9 tỷ đồng.

Theo Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Xây dựng và ĐHCĐ thông qua, LILAMA sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu 36% vốn điều lệ tại 02 công ty liên kết (LILAMA 10 và LILAMA 18) và thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty còn lại. Riêng đối với LILAMA SEA, trong thời gian tới, tùy vào tình hình việc làm tại Brunei và trong khu vực, LILAMA sẽ lựa chọn việc để LILAMA SEA tiếp tục hoạt động theo phương án hiệu quả nhất hoặc chuyển nhượng/giải thể để thu hồi vốn.

Thực hiện Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đang triển khai các trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành để thoái vốn tại một số đơn vị thành viên, cụ thể như sau:

- Công ty CP Thủy điện Hòa Na: Sau thời gian triển khai các bước trình tự, thủ tục để thoái vốn, vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, việc tổ chức bán đấu giá cổ phần Hòa Na không thể thực hiện trong thời hạn hiệu lực của Chứng thư thẩm định giá (từ 15/10/2024 đến 15/04/2025). Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị tư vấn, ngày 1/4/2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết thông qua việc lựa chọn phương án tiếp tục triển khai thực hiện thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na, theo đó, thực hiện thẩm định giá tại thời điểm 31/12/2024, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng và thực hiện thủ tục bán đấu giá theo kế hoạch. Tuy nhiên, do thời hạn rất khẩn trương, trình tự các bước triển khai rất ngắn, nếu bước công việc nào bị chậm so với kế hoạch dẫn đến không thể tiếp tục triển khai thì sẽ chuyển sang bước công việc xin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hủy Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng đã được cấp, thực hiện lại các trình tự, thủ tục thoái vốn từ đầu.
- Công ty CPLILAMA 69-1, Công ty CP Lắp máy Thí nghiệm - cơ điện, LHT: Tổ đại diện vốn nhà nước tại LILAMA đã trình Bộ Xây dựng phương án chuyển nhượng vốn tại 03 công ty trên và hiện vẫn đang chờ ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.
- Công ty CP LILAMA 45.4: Tổ đại diện vốn đã có Tờ trình số 24/TTr-ĐDV ngày 19/2/2024 trình Bộ Xây dựng xem xét chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ của Công ty cổ phần LILAMA 45.4. Ngày 18/9/2024, Bộ Xây dựng đã có Văn bản số 5336/BXD-KHTC về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ tại LILAMA 45.4. Hiện tại, LILAMA 45.4 đang tiến hành kiểm kê tài sản phục vụ việc lập báo cáo tài chính năm 2024 để Tổng công ty có cơ sở triển khai công tác thẩm định giá.

- Đối với các công ty còn lại cần thoái vốn theo Đề án: Tổng công ty đang tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm, đồng thời xem xét thời điểm phù hợp để xây dựng lộ trình thoái vốn từng công ty.

❖ *Đánh giá về Kết quả thực hiện công tác Quản lý tài chính của Tổng Công ty*

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên, rà soát, đối chiếu, phân loại các khoản nợ phải thu, phải trả, tập trung thu hồi công nợ, xử lý hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn và lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp, thực hiện kiểm kê theo quy định làm cơ sở lập báo cáo tài chính và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

Chỉ đạo việc lập kế hoạch tài chính và xây dựng phương án vay vốn, hạn mức tín dụng năm 2024 nhằm đảm bảo nguồn tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh và thi công các công trình của Tổng công ty. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã thông qua giới hạn tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank, BIDV, VIB, PVCombank, Ngân hàng Tiên Phong Chi nhánh Thăng Long.

Chỉ đạo tiếp tục thu nợ tại các Công ty thành viên có nợ đến hạn phải trả Tổng công ty, tuy nhiên do phần lớn các đơn vị vay vốn đang ở trong tình trạng bất ổn về tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ và/hoặc kém hiệu quả nên trong năm 2024, công tác thu hồi nợ (gốc và lãi vay) của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn.

Chỉ đạo đẩy mạnh và áp dụng nhiều biện pháp (bao gồm cả tổ tụng) trong công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn tại các dự án thi công, công nợ của các khách hàng, nợ đọng từ những năm trước để tập trung nguồn tài chính phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Tăng cường công tác quản lý tài chính, cắt giảm các chi phí không cần thiết, tiết giảm chi phí và thực hiện các biện pháp để sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn.

Để có cơ sở biểu quyết thông qua một số nội dung liên quan tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của LILAMA, Tổ đại diện vốn đã trình Bộ Xây dựng thông qua Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2023. Theo đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023 của Công ty mẹ LILAMA theo phương án được Bộ Xây dựng và ĐHĐCĐ thông qua.

Chỉ đạo thực hiện công tác giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 đối với Công ty con, Công ty liên kết của Tổng công ty. Qua đó, chỉ đạo Người đại diện vốn tại các Công ty nghiêm túc thực hiện các khuyến nghị, chỉ đạo của Tổng công ty liên quan đến công tác quản lý, giám sát tài chính tại doanh nghiệp.

Với chức năng định hướng và giám sát thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty và các Công ty

thành viên, đảm bảo hoạt động của LILAMA tuân thủ các quy chế, quy định quản lý nội bộ, Điều lệ LILAMA và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng công ty và các Công ty thành viên (thông qua người đại diện phần vốn) tăng cường công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định để đánh giá đầy đủ, kịp thời tình hình tài chính và phát hiện các yếu kém trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cảnh báo và đề ra các biện pháp chấn chỉnh phù hợp.

➤ Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn SXKD tại Công ty mẹ:

a. Cơ cấu tài sản (%)

- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản: 12,77%
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản: 87,23%

b. Cơ cấu nguồn vốn (%):

- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 81,73%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn: 18,27%

c. Khả năng thanh toán (lần):

- Khả năng thanh toán nhanh = (TSNH – HTK)/Tổng nợ ngắn hạn: 1,14 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành = TSLĐ/Nợ ngắn hạn: 1,18 lần

d. Tỷ suất lợi nhuận (%):

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân: 1,72%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu: 1,58%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân: 9,67%

Các chỉ số, kết quả trên đây cho thấy:

- Về cơ cấu tài sản: Tỷ lệ tài sản lưu động chiếm phần lớn tổng tài sản.
- Về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn là 81,73%. Do vốn điều lệ của Tổng công ty nhỏ so với quy mô hoạt động và nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu là vốn vay, dẫn tới chi phí tài chính tương đối lớn.
- Về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán của Tổng công ty lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán nợ của Tổng công ty hiện đang ở mức chấp nhận được so với đặc thù kinh doanh của ngành.
- Tỷ suất lợi nhuận: Với đặc thù ngành nghề, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản và Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu của Tổng công ty tương đối thấp. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận

sau thuế/Vốn chủ sở hữu năm 2024 cải thiện đáng kể so với năm trước, đạt 9,67% (năm 2023 đạt 6,92%).

❖ Đánh giá về Hoạt động quản trị doanh nghiệp

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được giao, trong năm 2024 Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đã tổ chức họp, hội ý, lấy ý kiến 70 phiên, ban hành 108 nghị quyết, 35 quyết định và một số văn bản khác liên quan đến công tác định hướng quản lý, chỉ đạo toàn diện trên các mặt hoạt động của Tổng công ty.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Theo đó, Tổng công ty đã sửa đổi, ban hành một số quy chế như Quy chế trả lương cho Người lao động, Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy chế quản lý vật tư, công cụ dụng cụ, trang thiết bị bảo hộ lao động và thiết bị văn phòng đối với ban dự án....

Tiếp tục chỉ đạo xây dựng và ban hành kế hoạch giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất kinh doanh, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024 của Tổng công ty.

Chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra theo chuyên đề tại Công ty cổ phần Lilama 5 và Công ty cổ phần Lilama 69-3 theo kế hoạch đã được phê duyệt. Ngoài ra, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo theo dõi công tác hoạt động của Người được cử tham gia Ban kiểm soát tại Công ty có phần vốn góp của Tổng công ty (Kiểm soát viên), qua đó tổng hợp các vấn đề cần lưu ý trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Công ty có phần vốn góp của Tổng công ty.

Xem xét các báo cáo xin ý kiến của người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các Công ty có phần vốn góp của LILAMA để thông qua các nghị quyết chỉ đạo người đại diện vốn thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông LILAMA tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và các cuộc họp Hội đồng quản trị các Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của các đơn vị và Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng công ty.

Chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể các đơn vị thành viên trên các mặt hoạt động như tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp, việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, bảo hiểm xã hội, tiền lương đối với người lao động, kinh phí công đoàn và việc triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại... Qua đó, đưa ra các đề xuất, giải pháp, khuyến nghị, ý kiến chỉ đạo (thông qua Người đại diện vốn) để các Công ty phát huy những mặt tích cực đạt được cũng như khắc phục những khó khăn, yếu kém còn tồn tại.

Chi đạo theo dõi công tác quản trị rủi ro nhằm nhận diện, đánh giá, xếp hạng rủi ro và xác định rủi ro trọng yếu của Doanh nghiệp trong hoạt động SXKD, từ đó có biện pháp phòng ngừa và đưa ra kế hoạch hành động kịp thời, phù hợp.

Chi đạo thực hiện việc công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Chi đạo cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện tối đa để Ban kiểm soát Tổng công ty hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ.

Thực hiện công tác giám sát, chi đạo hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị; qua đó Hội đồng quản trị đã hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Ban điều hành chủ động và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 đã được phê duyệt.

❖ ***Đánh giá về Công tác cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp***

➤ *Công tác cổ phần hóa và bàn giao vốn nhà nước sang công ty cổ phần:*

Hiện nay, công tác quyết toán để bàn giao vốn Nhà nước sang công ty cổ phần cơ bản đã được Tổng công ty thực hiện đầy đủ, ngoại trừ vướng mắc lớn nhất còn tồn tại liên quan đến ý kiến chính thức của UBND thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất sau cổ phần hóa của LILAMA tại (i) 03 tầng văn phòng (3.477,01m²) và 50% diện tích tầng hầm (895,4m²) của tòa nhà hỗn hợp 21 tầng tại 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; (ii) Lô đất tại Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), thành phố Hồ Chí Minh và (iii) Lô đất E9-E6 đường Phạm Hùng (KĐT mới Quận Cầu Giấy), Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Đối với (i) 03 tầng văn phòng (3.477,01m²) và 50% diện tích tầng hầm (895,4m²) của tòa nhà hỗn hợp 21 tầng tại 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội: LILAMA đã nhiều lần gửi công văn tới UBND Thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội để đề nghị cho ý kiến về giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với 3 tầng văn phòng và tầng hầm nêu trên. Tuy nhiên, đến nay LILAMA vẫn chưa nhận được văn bản trả lời, hướng dẫn từ UBND Thành phố Hà Nội và các Sở, Ban, Ngành liên quan.

- Đối với (ii) Lô đất tại Phường Phước Long B, Quận 9, TP HCM và (iii) Lô đất tại E9-E6 tại đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội: ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đã chấp thuận việc để LILAMA hoàn trả lại 02 dự án trên cho UBND thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, LILAMA đã và đang thực hiện các trình tự, thủ tục theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, của các cơ quan chức năng và theo đúng quy định của pháp

luật để hoàn trả lại các dự án. Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo như sau:

+ Lô đất 09-E6 Khu đô thị Cầu Giấy, Hà Nội: Ngày 22/1/2025, Sở Tài chính TP Hà Nội đã hoàn trả tiền đặt cọc và Tổng công ty đang thực hiện việc quyết toán vốn đầu tư dự án.

+ Lô đất tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh: LILAMA đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng để tiếp tục triển khai thực hiện việc hoàn trả đất, đồng thời đề nghị ngân sách Trung ương hoặc ngân sách địa phương hoàn trả chi phí thực hiện dự án (trong đó có 30.719.805.800 đồng tiền sử dụng đất đã nộp vào ngân sách).

➤ *Tình hình thực hiện Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 382/QĐ-BXD ngày 11/4/2023 của Bộ Xây dựng*

Ngày 29/11/2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1479/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước giai đoạn 2022-2025; tiếp đó, ngày 11/4/2023 Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 382/QĐ-BXD về Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu giai đoạn 2022-2025; theo đó LILAMA thuộc danh mục doanh nghiệp có tỷ lệ thoái giảm vốn nhà nước về 51% vốn điều lệ, thời gian hoàn thành thoái vốn giai đoạn năm 2024-2025. LILAMA đã tích cực tìm kiếm các nhà đầu tư để thực hiện thoái giảm vốn nhà nước về 51 % trong năm 2024-2025, tuy nhiên, trong quá trình thực hiện yêu cầu của Chính phủ và Bộ Xây dựng, LILAMA nhận thấy việc thoái vốn nhà nước tại LILAMA gặp rất nhiều khó khăn và khó có thể hoàn thành theo lộ trình đã đề ra do (khoản vốn đầu tư của nhà nước tại LILAMA chưa đủ hấp dẫn các nhà đầu tư quan tâm, ảnh hưởng từ bối cảnh kinh tế, chính trị thế giới có nhiều biến động, vướng mắc trong công tác quyết toán bàn giao vốn nhà nước sang công ty cổ phần chưa được giải quyết dứt điểm, thay đổi chính sách pháp luật...). Do đó, LILAMA đã báo cáo Bộ Xây dựng kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh lại Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022, theo đó, chưa thoái vốn nhà nước tại LILAMA về 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2024-2025. Tuy nhiên, việc điều chỉnh lộ trình thoái vốn nhà nước tại LILAMA cần nhiều thời gian xem xét và trải qua nhiều bước trình tự, thủ tục theo quy định, vì vậy, trong khi chờ ý kiến chỉ đạo của TTCP và Bộ Xây dựng LILAMA vẫn thực hiện các trình tự thủ tục thoái vốn nhà nước tại LILAMA theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của TTCP và Quyết định số 382/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng, Người đại diện vốn tại LILAMA đã phối hợp với Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ đạo Công ty mẹ và các đơn vị thành viên thực hiện các công tác chuẩn bị kiểm kê phục vụ cho mục đích thẩm định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ vào thời điểm 01/01/2025, công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho 05 năm tiếp theo.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định và các quy chế, quy định quản lý nội bộ để Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý tuân thủ thực hiện, đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như chiến lược đề ra; luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong quá trình điều hành các hoạt động SXKD, hướng đến mục tiêu hoàn thành và hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu theo Với quyền hạn và nhiệm vụ được giao, Hội đồng quản trị luôn phát huy tinh thần đoàn kết, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, trung thực, cẩn trọng, thực hiện tốt vai trò quản trị và giám sát toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của LILAMA.

Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành LILAMA luôn kiên định bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua để triển khai thực hiện, nỗ lực, phấn đấu đạt được ở mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, góp phần duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước và các cổ đông.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhận thấy một số khó khăn, trở ngại dẫn đến kết quả thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao chưa được như kỳ vọng, cụ thể:

Trong năm 2024, mặc dù hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, LILAMA vẫn tiếp tục đứng trước những thách thức không nhỏ khi thị trường việc làm truyền thống (các dự án thủy điện, nhiệt điện, điện khí...) ngày càng khan hiếm, cùng với sự cạnh tranh gay gắt từ các nhà thầu trong và ngoài nước, dẫn đến việc tìm kiếm các dự án mới gặp rất nhiều khó khăn, trong khi phần lớn các dự án LILAMA đang thi công đều đi vào giai đoạn cuối. Trong nỗ lực tìm kiếm các giải pháp để mở rộng thị trường việc làm, cũng như để thích ứng với bối cảnh, xu hướng, chiến lược phát triển toàn cầu, trong thời gian qua LILAMA đã linh hoạt, chủ động tiếp cận, từ đó có cơ hội tham gia vào chuỗi năng lượng xanh toàn cầu thông qua việc chế tạo, xuất khẩu các Modules cho các dự án Hydrogen xanh. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực còn mới mẻ nên khối lượng công việc và các đơn hàng chưa nhiều, chưa kể trong thời gian tới, những thay đổi trong chính sách thương mại, kinh tế, giao thương toàn cầu sẽ có nhiều diễn biến khó đoán định, có thể sẽ ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các dự án năng lượng xanh, khiến cho thị phần công việc của LILAMA có nguy cơ bị thu hẹp lại, cơ hội tìm kiếm việc làm theo đó sẽ càng khó khăn hơn.

Sau thời gian dài rất tích cực và quyết liệt làm việc với Chính phủ, các Bộ ban ngành cũng như Chủ đầu

tư để quyết toán Dự án Vũng Áng 1, trong Quý IV/2024, LILAMA đã ký được Phụ lục số 49 thông qua giá trị phát sinh chưa lường hết phần xây dựng và lắp đặt của Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Việc quyết toán dự án cơ bản đã được các bên thống nhất, tuy nhiên LILAMA vẫn chưa thể xử lý dứt điểm để thu hồi vốn do Chủ đầu tư vẫn phải chờ ý kiến kết luận của Kiểm toán Nhà nước trước khi thanh toán cho LILAMA. Trong khi đó, các nhà thầu nước ngoài đang đòi nợ LILAMA rất sát sao, quyết liệt với số tiền lớn, cùng với đó, Dự án đã kết thúc từ lâu, không thể vay vốn từ các tổ chức tín dụng khiến LILAMA phải đối mặt với áp lực về nguồn vốn để trả nợ cho các thầu phụ của Dự án.

Thực hiện Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021 - 2025 trong đó trọng tâm là công tác thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, Hội đồng quản trị LILAMA đã rất quyết tâm và quyết liệt trong công tác tái cấu trúc, thoái vốn, tuy nhiên kết quả khó đạt được như kỳ vọng vì một mặt, các khoản đầu tư vốn LILAMA dự kiến thoái chưa có sức hấp dẫn do hoạt động SXKD kém hiệu quả, tình hình tài chính khó khăn; mặt khác việc thoái vốn tại một số đơn vị theo phương thức đấu giá công khai còn gặp nhiều vướng mắc do phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, dẫn đến giảm sự linh hoạt và khả năng đáp ứng của LILAMA (Hoạt động kinh doanh của 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán).

Thông qua Người đại diện phần vốn của LILAMA tại các Công ty con, công ty liên kết, Hội đồng quản trị LILAMA đã thường xuyên có những chỉ đạo sát sao, đồng thời đưa ra các định hướng, khuyến nghị để góp phần xử lý, khắc phục những tồn tại trong công tác quản trị, quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên. Tuy nhiên, tình hình chung của nhiều Công ty vẫn không được cải thiện, thậm chí còn đối mặt với nhiều khó khăn hơn: Mất cân đối tài chính, hoạt động SXKD thua lỗ, kém hiệu quả, nợ quá hạn dẫn đến bị ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản và tận thu nguồn tiền về của dự án, không cấp thêm hạn mức để vay vốn thi công dự án mới; nợ lương; nợ bảo hiểm; nợ thuế dẫn đến bị phạt chậm và/hoặc cưỡng chế hóa đơn... Với tình hình tài chính và hoạt động SXKD của các đơn vị thành viên như vậy dẫn đến việc không chỉ tạo gánh nặng trích lập dự phòng đầu tư tài chính của Công ty mẹ, ảnh hưởng đến kết quả Báo cáo tài chính hợp nhất mà còn ảnh hưởng đến năng lực sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh của toàn LILAMA.

Việc quyết toán bàn giao vốn sang công ty cổ phần đến nay vẫn chưa hoàn tất do các vướng mắc liên quan đến việc xác định giá trị quyền sử dụng đất sau cổ phần hóa của LILAMA. Tổ đại diện vốn nhà nước tại LILAMA đã luôn bám sát và tuân thủ thực hiện đầy đủ các ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan nhưng đến nay vấn đề vẫn chưa được giải quyết dứt điểm (ngoại trừ Lô đất 09-E6 Khu đô thị Cầu Giấy, Hà Nội đã được Sở Tài chính Hà Nội hoàn trả tiền đặt cọc và Tổng công ty đang thực hiện việc quyết toán vốn đầu tư dự án).

Đánh giá về Công tác tổ chức, nhân sự, tiền lương

- Tổng số lao động của Tổng công ty tính đến 31/12/2024 là 1.701 người, số lao động bình quân sử dụng năm 2024 là 1.747 người.
- Trong năm 2024, Tổng công ty có sự thay đổi lớn về lãnh đạo quản lý cấp cao. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ được Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện theo đúng các quy chế, quy định hiện hành, theo đó:
 - + Ông Nguyễn Mạnh Dũng được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Tổng công ty;
 - + Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty đối với Ông Lê Văn Tuấn kể từ ngày 1/10/2024 theo Quyết định số 267.1/QĐ-HĐQT ngày 30/9/2024;
 - + Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Hùng giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 1/10/2024 theo Quyết định số 268/QĐ-HĐQT ngày 30/9/2024.
- Liên quan đến công tác tổ chức, Hội đồng quản trị đã ban hành các quyết định kiện toàn (Hội đồng thi đua khen thưởng; Ban chỉ đạo Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng...); Thông qua phương án giải thể các Ban dự án, Ban điều hành thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (Ban dự án Điện Nghi Sơn 2, Ban dự án Điện Vĩnh Tân 4, Ban dự án Lọc dầu Nghi Sơn, Ban tái cấu trúc)...
- Chỉ đạo tổ chức kiểm điểm, đánh giá cán bộ năm 2023 đối với tập thể, cá nhân người đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty và người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.
- Đối với công tác quản lý Người đại diện vốn, trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thông qua phương án cử lại Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại một số công ty con, công ty liên kết; cho ý kiến chỉ đạo để người đại diện phần vốn Tổng công ty tại một số công ty con, công ty liên kết biểu quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
- Đối với công tác tiền lương, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền lương cho người quản lý công ty theo đúng quy định. Đối với người lao động, việc chi trả tiền lương được thực hiện đầy đủ và kịp thời.
- Trong năm 2024, Công ty mẹ Tổng công ty thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền, lợi ích, chế độ chính sách cho người lao động (tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp...). Tuy nhiên, tại một số đơn vị thành viên, do tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn nên việc chi trả tiền lương chưa được kịp thời, việc thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động chưa được đầy đủ và theo đúng quy định.

3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HDQT

Đứng trước những cơ hội và thách thức của nền kinh tế và trên tinh thần của Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 21/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp của doanh nghiệp nhà nước góp phần tăng trưởng kinh tế 2 con số, phát triển đất nước nhanh và bền vững, Hội đồng quản trị LILAMA sẽ tiếp tục cố gắng nâng cao trách nhiệm, đặt lợi ích của Tổng công ty trên lợi ích cá nhân, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, chủ động, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả, nỗ lực ở mức cao nhất để Tổng công ty có thể hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch SXKD đề ra, tạo thế và lực cho LILAMA vượt qua những khó khăn, vướng mắc và cú sốc từ bên ngoài, hướng tới phát triển ổn định và bền vững. Các nhiệm vụ, nhóm giải pháp cần được triển khai thực hiện như sau:

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, nâng cao năng lực cạnh tranh, bám sát chủ đầu tư, các tổng thầu, chào giá hợp lý để có thể ký kết hợp đồng, đảm bảo công việc cho năm 2025 và các năm tiếp theo. Trong bối cảnh thị trường công việc đang khó khăn như hiện nay, nỗ lực tìm kiếm mọi giải pháp, mọi cơ hội công việc mà Tổng công ty có thể đảm nhận để có dòng tiền đảm bảo.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, tập trung thi công, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, năng suất lao động tại các công trường đang thi công để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025; góp phần gia tăng sự tin cậy, tin nhiệm và thương hiệu vững mạnh của LILAMA, từ đó mở ra cơ hội hợp tác lâu dài với các đối tác, khách hàng.
- Tiếp tục chỉ đạo tìm kiếm các giải pháp đẩy mạnh công tác quyết toán, thu hồi công nợ tại các công trình đã thi công hoàn thành để có dòng tiền bổ sung vào hoạt động SXKD.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2025, trong đó chú trọng công tác thoái vốn đầu tư tại các công ty có phần vốn góp của LILAMA.
- Tăng cường công tác quản trị, đặc biệt là quản trị chi phí. Theo đó, bằng mọi giải pháp, chỉ đạo tối ưu hóa chi phí, thực hành tiết kiệm, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, quản lý tốt ngân sách và dòng tiền của Tổng công ty nhằm đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ với cổ đông, đảm bảo thu nhập, chế độ cho người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trách nhiệm với cộng đồng, xã hội...
- Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng ban, phân công, điều chuyển lao động hợp lý, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo tại các phòng ban Tổng công ty và Người đại diện vốn tại các công ty thành viên để từng bước cải thiện và nâng cao hiệu quả quản lý điều hành hoạt động SXKD, tái cơ cấu nguồn nhân lực trên cơ sở tinh gọn, nâng cao năng suất lao động để tiết giảm chi phí cho Tổng công ty.

- Tăng cường công tác giám sát tài chính, kiểm soát nội bộ, giám sát tình hình hoạt động SXKD tại các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty, tăng cường công tác kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro.
- Chỉ đạo người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các đơn vị tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các giải pháp đồng bộ để cải thiện những mặt còn tồn tại, yếu kém; cũng như chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển kế hoạch SXKD phù hợp, đảm bảo việc làm và các quyền lợi, chế độ cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, BHXH theo đúng quy định.
- Chỉ đạo tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung để ban hành áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Tổng công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo toàn diện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Bùi Đức Kiên	Chủ tịch HĐQT	27,901%	
2	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	25,064%	
3	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	15,036%	
4	Nguyễn Hữu Thành	Thành viên HĐQT	0,013%	
5	Trần Vũ Vương	Thành viên HĐQT	15,003%	
6	Nguyễn Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	15,015%	

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2024, HĐQT Tổng Công ty đã tổ chức 57 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản để định hướng, chỉ đạo, xem xét quyết định các công việc trong thẩm quyền xử lý của HĐQT.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Bùi Đức Kiên	70/70	100,0%	
2.	Ông Lê Văn Tuấn	55/70	78,6%	Ông Lê Văn Tuấn đã nghỉ hưu từ ngày 01/10/2024. Đồng thời, ông Lê Văn Tuấn đã có đơn từ nhiệm TV HĐQT từ ngày 01/10/2024.
3.	Ông Nguyễn Văn Hùng	70/70	100,0%	
4.	Ông Nguyễn Hữu Thành	38/70	54,3%	Miễn nhiệm TV HĐQT từ ngày 28/06/2024
5.	Ông Trần Vũ Vương	70/70	100,0%	
6.	Ông Nguyễn Mạnh Dũng	32/70	45,7%	Bầu bổ sung TV HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 từ ngày 28/06/2024

Danh sách các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2024 được trình bày chi tiết tại phụ lục 1a và phụ lục 1b của Báo cáo tình hình quản trị năm 2024.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.2 Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	0,001%
2.	Lê Thị Thu Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	0,001%
3.	Trần Thương Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	0%

Trong năm vừa qua, BKS đã tiến hành 05 phiên họp nhằm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Hoạt động của BKS tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật và mức độ cẩn trọng của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng giám đốc trong các hoạt động quản lý, điều hành; Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc ban hành và triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT trong năm 2024.
Giám sát tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của LILAMA, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của LILAMA.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch giữa LILAMA với bên có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HDQT/Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Giám sát việc thực hiện Đề án cơ cấu lại LILAMA, công tác quyết toán, bàn giao vốn Nhà nước sang công ty cổ phần. Giám sát công tác thu hồi nợ, xử lý nợ tồn đọng của LILAMA.
- Đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của LILAMA.
- Tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình soạn thảo một số quy chế, quy định nội bộ của LILAMA.
- Lập các báo cáo và Tờ trình của BKS để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua (gồm Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023, định hướng kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS và Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của LILAMA).

- Đề xuất, kiến nghị một số nội dung liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro để HĐQT, Tổng giám đốc xem xét, tham khảo.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi công việc, làm việc với tinh thần trách nhiệm, cố gắng bảo đảm sự độc lập, cân trọng trong các đánh giá về tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của LILAMA.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị: VND

STT	Tên	Chức vụ	Thu nhập năm 2024
I.	Hội đồng quản trị		
1	Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch	650.400.000
2	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Được thể hiện ở thu nhập của Ban điều hành phía dưới
3	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Được thể hiện ở thu nhập của Ban điều hành phía dưới
4	Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	Được thể hiện ở thu nhập của Ban điều hành phía dưới
5	Ông Trần Vũ Vương	Thành viên	483.600.000
6	Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thành viên	Được thể hiện ở thu nhập của Ban điều hành phía dưới
II.	Ban Điều hành		
1	Lê Văn Tuấn	Tổng giám đốc (đến 01/10/2024)	516.600.000
2	Nguyễn Văn Hùng	Tổng giám đốc (từ 01/10/2024)	597.900.000
3	Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng giám đốc	525.600.000
4	Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng giám đốc (đến 01/10/2024)	404.700.000
5	Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng giám đốc	483.600.000
III.	Ban kiểm soát		
1	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	454.800.000
2	Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên BKS	60.000.000

STT	Tên	Chức vụ	Thu nhập năm 2024
3	Bà Trần Thương Huyền	Thành viên BKS	60.000.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Thông tin giao dịch
1	Vũ Khánh Din	Ông Vũ Khánh Din là người có liên quan của bà Lê Thị Thu Hồng - Thành viên Ban Kiểm soát	- Số cổ phiếu đầu kỳ 2.500 cổ phiếu, chiếm 0,003%% - Số lượng bán: 2.500 cổ phiếu - Số cổ phiếu cuối kỳ: 0 cổ phiếu

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Danh sách về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với Tổng công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên được trình bày chi tiết tại phụ lục 3 của Báo cáo tình hình quản trị năm 2024.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được giao, trong năm 2024 Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đã tổ chức họp, hội ý, lấy ý kiến 70 phiên, ban hành 108 nghị quyết, 35 quyết định và một số văn bản khác liên quan đến công tác định hướng quản lý, chỉ đạo toàn diện trên các mặt hoạt động của Tổng công ty.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Theo đó, Tổng công ty đã sửa đổi, ban hành một số quy chế như Quy chế trả lương cho Người lao động, Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy chế quản lý vật tư, công cụ dụng cụ, trang thiết bị bảo hộ lao động và thiết bị văn phòng đối với ban dự án....

Tiếp tục chỉ đạo xây dựng và ban hành kế hoạch giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất kinh doanh, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024 của Tổng công ty.

Chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra theo chuyên đề tại Công ty cổ phần Lilama 5 và Công ty cổ phần Lilama 69-3 theo kế hoạch đã được phê duyệt. Ngoài ra, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo theo dõi công tác hoạt động của Người được cử tham gia Ban kiểm soát tại Công ty có phần vốn góp của Tổng công ty (Kiểm soát viên), qua đó tổng hợp các vấn đề cần lưu ý trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Công ty có phần vốn góp của Tổng công ty.

Xem xét các báo cáo xin ý kiến của người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các Công ty có phần vốn

góp của LILAMA đề thông qua các nghị quyết chỉ đạo người đại diện vốn thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông LILAMA tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và các cuộc họp Hội đồng quản trị các Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của các đơn vị và Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng công ty.

Chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể các đơn vị thành viên trên các mặt hoạt động như tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp, việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, bảo hiểm xã hội, tiền lương đối với người lao động, kinh phí công đoàn và việc triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại... Qua đó, đưa ra các đề xuất, giải pháp, khuyến nghị, ý kiến chỉ đạo (thông qua Người đại diện vốn) để các Công ty phát huy những mặt tích cực đạt được cũng như khắc phục những khó khăn, yếu kém còn tồn tại.

Chỉ đạo theo dõi công tác quản trị rủi ro nhằm nhận diện, đánh giá, xếp hạng rủi ro và xác định rủi ro trọng yếu của Doanh nghiệp trong hoạt động SXKD, từ đó có biện pháp phòng ngừa và đưa ra kế hoạch hành động kịp thời, phù hợp.

Chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Chỉ đạo cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện tối đa để Ban kiểm soát Tổng công ty hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ.

Thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị; qua đó Hội đồng quản trị đã hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Ban điều hành chủ động và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 đã được phê duyệt.

PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

(theo Phụ lục đính kèm)

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT TỔNG CÔNG TY *Take*



NGUYỄN VĂN HÙNG

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (Mã chứng khoán: **LLM**) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Riêng năm 2024 (đã được kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: **LLM**
- Địa chỉ: Số 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 38637747 Fax: 024 3863 8104
- Website: <http://www.lilama.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Riêng năm 2024 (đã được kiểm toán):
 - ☒ BCTC Riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC Hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:



Có



Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có



Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



Có



Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có



Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn: <https://lilama.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP

Người được ủy quyền Công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Riêng năm 2024 đã được kiểm toán;
- Văn bản giải trình chênh lệch LNST BCTC Riêng năm 2024 đã được kiểm toán so với cùng kỳ năm trước.



TÔ PHI SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-49
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-49
Phụ lục số 01: Các khoản Vay ngắn hạn	50
Phụ lục số 02: Các khoản Vay dài hạn	51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02/10/2024.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2024
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2024
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2024
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là ông Nguyễn Văn Hùng – Tổng Giám đốc.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc *tu*


Bùi Đức Kiên

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Số: 310325.012/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thuyết minh số 2.3 - "Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng", đến thời điểm phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

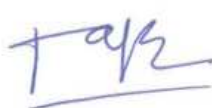
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.760.179.231.454	5.031.287.936.323
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.908.659.781.221	2.664.675.711.135
111	1. Tiền		1.471.159.781.221	1.232.390.817.800
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.437.500.000.000	1.432.284.893.335
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.571.729.045.252	2.156.259.702.218
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.285.630.281.753	1.643.309.251.371
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	712.684.462.960	918.808.543.215
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	359.312.856.281	363.315.331.444
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	423.985.035.089	446.334.204.635
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.209.883.590.831)	(1.215.507.628.447)
140	IV. Hàng tồn kho	10	161.544.766.338	141.725.126.990
141	1. Hàng tồn kho		161.544.766.338	141.725.126.990
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		118.245.638.643	68.627.395.980
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	685.799.441	873.798.648
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		47.294.782.591	30.817.509.558
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	70.265.056.611	36.936.087.774
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		696.668.405.260	665.083.202.776
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.742.000.000	8.742.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.742.000.000	8.742.000.000
220	II. Tài sản cố định		67.877.670.331	74.178.934.556
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	54.680.174.316	60.515.482.177
222	- Nguyên giá		427.739.809.859	427.126.874.817
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(373.059.635.543)	(366.611.392.640)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	2.505.252.292	2.945.208.652
225	- Nguyên giá		3.519.650.908	3.519.650.908
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.014.398.616)	(574.442.256)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	10.692.243.723	10.718.243.727
228	- Nguyên giá		12.465.728.212	12.465.728.212
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.773.484.489)	(1.747.484.485)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	13.120.334.922	15.425.491.074
231	- Nguyên giá		57.127.963.520	57.127.963.520
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(44.007.628.598)	(41.702.472.446)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	35.609.189.360	30.749.483.207
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		35.609.189.360	30.749.483.207
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	453.588.459.589	463.674.924.967
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.498.345.589	49.498.345.589
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		271.222.251.568	271.222.251.568
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		248.959.582.264	248.959.582.264
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(116.091.719.832)	(106.005.254.454)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		117.730.751.058	72.312.368.972
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	115.420.511.058	70.002.128.972
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	2.310.240.000	2.310.240.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.456.847.636.714	5.696.371.139.099

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNGTại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.459.648.220.309	4.745.500.921.879
310	I. Nợ ngắn hạn		4.022.309.008.597	4.647.866.924.851
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.457.169.239.601	1.862.229.433.608
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	319.350.772.831	448.835.046.981
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.004.032.467	872.745.731
314	4. Phải trả người lao động		86.529.330.715	76.473.745.704
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	782.620.965.087	763.888.228.902
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	743.341.460	743.341.460
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	197.014.083.698	160.278.012.673
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	952.739.379.406	1.243.848.913.292
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	167.535.646.441	30.299.959.109
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		57.602.216.891	60.397.497.391
330	II. Nợ dài hạn		437.339.211.712	97.633.997.028
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	13.714.796.931	14.353.408.391
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	1.151.886.839	1.151.886.839
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	1.108.474.582	1.808.563.786
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	421.364.053.360	80.320.138.012
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		997.199.416.405	950.870.217.220
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	997.473.908.845	951.144.709.660
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		797.261.040.000	797.261.040.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		797.261.040.000	797.261.040.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		102.025.238.585	85.863.615.071
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		98.187.630.260	68.020.054.589
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.972.157.775	9.589.028.590
421b	LNST chưa phân phối năm nay		94.215.472.485	58.431.025.999
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(274.492.440)	(274.492.440)
431	1. Nguồn kinh phí		(274.492.440)	(274.492.440)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.456.847.636.714	5.696.371.139.099


Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng

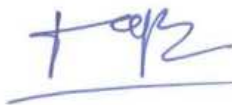
Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	6.063.679.892.214	5.013.303.019.960
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.063.679.892.214	5.013.303.019.960
11	4. Giá vốn hàng bán	28	5.962.368.715.918	4.886.398.170.514
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.311.176.296	126.904.849.446
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	141.188.510.877	172.637.872.548
22	7. Chi phí tài chính	30	127.962.428.124	144.498.844.579
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		83.499.291.836	84.977.996.058
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	39.350.142.511	100.630.872.344
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		75.187.116.538	54.413.005.071
31	11. Thu nhập khác	32	20.503.099.463	4.298.358.390
32	12. Chi phí khác		45.674.160	95.378.747
40	13. Lợi nhuận khác		20.457.425.303	4.202.979.643
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.644.541.841	58.615.984.714
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	1.429.069.356	184.958.715
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		94.215.472.485	58.431.025.999


Lai Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

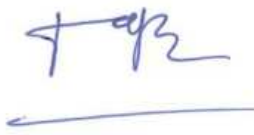
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		95.644.541.841	58.615.984.714
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.725.012.195	15.326.329.159
03	- Các khoản dự phòng		482.742.030.442	133.931.450.865
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(41.327.570.894)	(3.972.157.775)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(64.782.685.896)	(126.102.125.109)
06	- Chi phí lãi vay		83.499.291.836	84.977.996.058
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		565.500.619.524	162.777.477.912
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		572.085.740.540	(417.547.865.522)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(19.819.639.348)	315.258.530.791
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(489.824.936.823)	(384.290.092.953)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(45.230.382.879)	(13.016.657.167)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(83.957.512.881)	(84.381.823.339)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.062.108.634)	(5.000.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.804.807.000)	(6.235.516.261)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		482.886.972.499	(432.435.946.539)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.118.591.818)	(2.977.960.492)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	591.875.166
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.002.475.163	5.943.482.879
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	47.405.703.239
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.725.002.619	118.100.289.838
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		59.608.885.964	169.063.390.630
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.824.550.232.101	3.582.868.986.487
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4.115.659.765.987)	(3.075.533.261.084)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(700.089.204)	(809.894.004)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.775.942.300)	(7.956.664.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(327.585.565.390)	498.569.166.749

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		214.910.293.073	235.196.610.840
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.664.675.711.135	2.420.685.397.568
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		29.073.777.013	8.793.702.727
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.908.659.781.221</u>	<u>2.664.675.711.135</u>


Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Năm 2024***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02/10/2024.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 797.261.040.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 797.261.040.000 VND; tương đương 79.726.104 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1.579 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 1.622 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh và xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công và lắp đặt thiết bị máy móc;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây trạm biến thế;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải hàng hóa và các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công vận tải;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi lĩnh vực ngành nghề đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông, đường biển;
- Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính cơ lý của vật liệu;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất của Tổng công ty và ngoài xã hội, đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện việc đưa lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- Kinh doanh, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số hạng mục của Tổng công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 .CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**2.1 .Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 .Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 .Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn hóa Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty.

2.4 .Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng phải trả;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính giá thành hoạt động xây lắp;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được điều chỉnh lại theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10	năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại 124 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Không trích khấu hao	
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
--------------------------	---------	-----

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, tiền thuê mặt bằng trả trước kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê mặt bằng.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 60 tháng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn hoạt động xây lắp ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.21 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.23 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng: được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Giá vốn Hợp đồng xây dựng

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành phù hợp với doanh thu và được xác định một cách đáng tin cậy.

Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xây lắp nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	792.779.812	707.494.006
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.470.367.001.409	1.231.683.323.794
Các khoản tương đương tiền (*)	1.437.500.000.000	1.432.284.893.335
	2.908.659.781.221	2.664.675.711.135

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 1.437.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Mã chứng khoán	31/12/2024		01/01/2024	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con		49.498.345.589	(25.051.921.334)	49.498.345.589	(24.390.802.037)
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD		16.930.636.761	-	16.930.636.761	-
- Công ty Cổ phần Lilama 5	LO5	9.180.000.000	(9.180.000.000)	9.180.000.000	(9.180.000.000)
- Công ty Cổ phần Lilama 7	LM7	7.905.000.000	(7.905.000.000)	7.905.000.000	(7.905.000.000)
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	L35	8.492.667.900	(5.414.118.433)	8.492.667.900	(4.652.817.222)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT		6.990.040.928	(2.552.802.901)	6.990.040.928	(2.652.984.815)
Đầu tư vào Công ty liên kết		271.222.251.568	(63.719.052.696)	271.222.251.568	(57.488.060.437)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	L45	18.908.271.421	(18.908.271.421)	18.908.271.421	(18.050.187.788)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	L43	7.002.100.000	(2.676.772.197)	7.002.100.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	L44	5.188.680.200	(5.188.680.200)	5.188.680.200	(5.188.680.200)
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama		29.697.241.118	-	29.697.241.118	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	LCD	3.907.800.000	-	3.907.800.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama		1.100.135.974	(155.792.386)	1.100.135.974	(151.701.886)
- Công ty Cổ phần Lilama 10	L10	52.111.309.091	-	52.111.309.091	-
- Công ty Cổ phần Lilama 18	LM8	86.688.820.750	-	86.688.820.750	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	L61	28.832.055.556	(28.832.055.556)	28.832.055.556	(18.661.575.358)
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	L63	37.785.837.458	(7.957.480.936)	37.785.837.458	(15.435.915.205)
Đầu tư vào đơn vị khác		248.959.582.264	(27.320.745.802)	248.959.582.264	(24.126.391.980)
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PVY	19.799.036.703	(19.799.036.703)	19.799.036.703	(19.799.036.703)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)		2.165.892.592	(35.684.243)	2.165.892.592	(31.372.172)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	HNA	85.696.088.606	-	85.696.088.606	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao		35.716.560.384	-	35.716.560.384	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long		16.169.971.505	(7.486.024.856)	16.169.971.505	(4.295.983.105)
- Công ty Cổ phần BV Invest		86.548.866.279	-	86.548.866.279	-
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Mối trường Lilama		2.863.166.195	-	2.863.166.195	-
		569.680.179.421	(116.091.719.832)	569.680.179.421	(106.005.254.454)

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Các giao dịch phát sinh với Công ty con, Công ty liên kết xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết, do các cổ phiếu của các đơn vị nhận đầu tư này có khối lượng giao dịch ít trên thị trường chứng khoán, không có tính thanh khoản nên Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024 của các Công ty này.

Theo đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Xây dựng thông qua tại văn bản số 5360/BXD-KHTC ngày 23/11/2023 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2024. Theo đó, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu 36% vốn điều lệ tại 02 Công ty liên kết (Công ty Cổ phần Lilama 10 và Công ty Cổ phần Lilama 18) và thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty còn lại (19 Công ty). Riêng đối với Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD (Lilama Sea), trong thời gian tới tùy thuộc vào tình hình làm việc tại Brunei và trong khu vực, Tổng Công ty sẽ xem xét lựa chọn việc để Lilama Sea tiếp tục hoạt động theo phương án hiệu quả nhất hoặc chuyển nhượng/giải thể để thu hồi vốn.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Brunei	99,00%	99,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 5	Tỉnh Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 7	Thành phố Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Tỉnh Ninh Bình	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Thành phố Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn thiết kế

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTPC
Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Tỉnh Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Tỉnh Đồng Nai	35,06%	35,06%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Thành phố Hà Nội	27,93%	27,93%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Thành phố Hà Nội	36,18%	36,18%	Thí nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Thành phố Hà Nội	45,45%	45,45%	Tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Lilama 10	Thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 18	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Tỉnh Bắc Ninh	41,10%	41,10%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Tỉnh Hải Dương	36,00%	36,00%	Xây lắp

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty khác của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chế tạo Gian khoan Dầu khí	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4,03%	4,03%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)	Thành phố Đà Nẵng	2,00%	2,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (*)	Tỉnh Nghệ An	3,71%	3,71%	Thủy điện
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Tỉnh Phú Thọ	18,74%	18,74%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Tỉnh Quảng Ninh	0,71%	0,71%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần BV Invest	Thành phố Hà Nội	11,96%	11,96%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	Tỉnh Quảng Ngãi	5,64%	5,64%	Xử lý, tái chế chất thải

(*) Theo thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 197/TCT-TCKT ngày 26 tháng 03 năm 2025 về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng. Tổng Công ty chào bán 8.720.027 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na với giá chào bán khởi điểm 33.200 đồng/cổ phiếu qua phương thức bán đấu giá công khai tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến từ tháng 06/2025 đến tháng 07/2025.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	21.667.867.633	(7.874.306.487)	22.073.735.032	(7.764.349.394)
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	1.323.990.184	-	1.259.276.632	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	4.382.686.724	(4.362.329.529)	4.373.522.112	(4.252.372.436)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	155.108.571	-	154.372.366	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.511.976.958	(3.511.976.958)	3.511.976.958	(3.511.976.958)
- Công ty Cổ phần Lilama 10	33.462.999	-	1.762.731.363	-
- Công ty Cổ phần Lilama 18	1.438.531.050	-	233.079.355	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	-	-	770.688	-
- Công ty Cổ phần Lilama 5	221.162.223	-	10.744.279	-
- Công ty Cổ phần Lilama 7	-	-	301.139.585	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	10.044.923.842	-	9.924.889.963	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	19.440.000	-	38.880.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	536.585.082	-	502.351.731	-

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	1.263.962.414.120	(352.960.287.656)	1.621.235.516.339	(360.217.789.425)
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban QLDA chuyên ngành Điện	68.518.414.445	-	422.733.086.590	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 - PVC	206.708.530.074	(194.351.387.399)	290.589.445.393	(192.799.625.046)
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	19.967.361.316	(19.006.160.651)	37.967.361.316	(25.904.312.456)
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	57.577.434.335	(57.577.434.335)	61.298.055.187	(61.298.055.187)
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban QLDA Điện	646.405.216.466	-	321.825.393.604	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	39.000.402.901	(39.000.402.901)	39.000.402.901	(39.000.402.901)
- Thầu chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm Nhà máy thuộc DA Nhiệt điện BOT Vân Phong 1	-	-	110.121.378.497	-
- Phải thu của khách hàng khác	225.785.054.583	(43.024.902.370)	337.700.392.851	(41.215.393.835)
	1.285.630.281.753	(360.834.594.143)	1.643.309.251.371	(367.982.138.819)

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	48.204.614.946	(35.105.842.355)	106.026.961.354	(29.631.019.786)
- Công ty CP Lilama 45.1	35.363.803.005	(27.426.478.543)	29.888.980.436	(21.951.655.974)
- Công ty CP Lilama 45.3	1.409.793.614	-	1.409.793.614	-
- Công ty CP Lilama 45.4	11.431.018.327	(7.679.363.812)	11.431.018.327	(7.679.363.812)
- Công ty CP Lilama 10	-	-	63.297.168.977	-
Bên khác	664.479.848.014	(91.255.399.262)	812.781.581.861	(91.255.399.262)
- Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng	453.752.587.741	-	453.752.587.741	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng	46.716.011.731	-	46.716.011.731	-
- Trả trước cho người bán khác	164.011.248.542	(91.255.399.262)	312.312.982.389	(91.255.399.262)
	712.684.462.960	(126.361.241.617)	918.808.543.215	(120.886.419.048)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	117.692.848.388	(117.692.848.388)	121.695.323.551	(121.695.323.551)
- Công ty CP Lilama 45.1	92.068.569.933	(92.068.569.933)	96.071.045.096	(96.071.045.096)
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	(25.624.278.455)	25.624.278.455	(25.624.278.455)
Bên khác	241.620.007.893	(241.620.007.893)	241.620.007.893	(241.620.007.893)
- Công ty CP Lisemco	227.646.699.893	(227.646.699.893)	227.646.699.893	(227.646.699.893)
- Công ty CP Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	(13.973.308.000)	13.973.308.000	(13.973.308.000)
	359.312.856.281	(359.312.856.281)	363.315.331.444	(363.315.331.444)

Bao gồm các khoản cho các đối tác vay từ giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức vay tín chấp. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay này.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.596.988.200	(3.131.988.200)	10.061.988.200	(3.131.988.200)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay ⁽¹⁾	282.396.339.701	(278.849.832.853)	271.282.346.834	(267.516.522.029)
- Tạm ứng	9.761.097.962	-	20.632.668.289	-
- Ký cược, ký quỹ	26.000.000	-	26.000.000	-
- Phải thu tiền nộp cấp quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư ⁽²⁾	27.255.441.843	(27.255.441.843)	38.537.593.013	(38.537.593.013)
- Liên danh PECOM-LILAMA (Trạm Kim Xá) ⁽³⁾	11.361.932.537	-	10.977.541.421	-
- Hamon Research-Cottrell GmbH ⁽⁴⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Phải thu khác	76.599.913.166	(54.137.635.894)	84.828.745.198	(54.137.635.894)
	<u>423.985.035.089</u>	<u>(363.374.898.790)</u>	<u>446.334.204.635</u>	<u>(363.323.739.136)</u>

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

a.2) Chi tiết theo đối tượng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	96.868.596.762	(96.426.786.965)	85.109.952.121	(85.093.476.141)
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Công ty CP Lilama 45.1	76.880.391.068	(76.880.391.068)	67.939.236.516	(67.939.236.516)
- Công ty CP Lilama 45.3	16.414.407.697	(16.414.407.697)	14.022.251.425	(14.022.251.425)
- Công ty CP Lilama 5	27.815.187	-	11.171.780	-
- Công ty CP Lilama 69.3	408.690.410	-	-	-
- Công ty CP Lilama 69.1	5.304.200	-	5.304.200	-
Bên khác	327.116.438.327	(266.948.111.825)	361.224.252.514	(278.230.262.995)
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.867.468.383	(75.897.140.431)	75.867.468.383	(75.897.140.431)
- Công ty CP LISEMCO	144.066.231.662	(144.066.231.662)	144.066.231.662	(144.066.231.662)
- Hamon Research-Cottrell GmbH ⁽⁴⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	8.330.407.947	(8.330.407.947)	8.330.407.947	(8.330.407.947)
- Các đối tượng khác	89.065.008.655	(38.654.331.785)	123.172.822.842	(49.936.482.955)
	423.985.035.089	(363.374.898.790)	446.334.204.635	(363.323.739.136)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	8.742.000.000	-	8.742.000.000	-
	8.742.000.000	-	8.742.000.000	-

(1) Khoản phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay chủ yếu của các khoản cho các đối tác của Tổng Công ty vay được trình bày tại thuyết minh số 07 - Phải thu về cho vay ngắn hạn và đã trích lập dự phòng đầy đủ. (Chi tiết tại thuyết minh số 9 - Nợ xấu)

(2) Đây là khoản ứng trước của Tổng Công ty để nộp tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư 21 tầng tại ngõ 124 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thu lại khoản tiền này của các cư dân chung cư khi hoàn thành các thủ tục cấp sổ hồng.

(3) Đây là số tiền Tổng Công ty được phép giải ngân từ tài khoản thanh toán chung (chuyên chi) của Liên danh Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu ("PECOM"- thành viên đứng đầu liên danh) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An được sử dụng để nhận thanh toán từ Chủ đầu tư và thanh toán cho các nhà thầu phụ chi phí của từng thành viên trong liên danh cho việc thực hiện gói thầu CW03: "Cung cấp, lắp đặt thiết bị, xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm Kim Xá và công trình phụ trợ".

(4) Khoản tiền Thuế nhập khẩu Tổng Công ty đứng ra trả thay cho Nhà thầu liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, khi quyết toán với Nhà thầu sẽ bù trừ số tiền này với số tiền Tổng Công ty phải trả.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a. Phải thu khách hàng	374.173.294.678	13.338.700.535	479.437.085.509	111.454.946.690
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	206.708.530.074	12.357.142.675	290.589.445.393	97.789.820.347
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	57.577.434.335	-	61.298.055.187	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	14.597.651.580	-	14.597.651.580	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.043.466.795	-	9.043.466.795	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	19.967.361.316	961.200.665	37.967.361.316	12.063.048.860
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	39.000.402.901	-	39.000.402.901	-
- Các khoản khác	27.278.447.677	20.357.195	26.940.702.337	1.602.077.483
b. Ứng trước cho người bán	171.053.112.223	44.691.870.606	157.861.948.060	36.975.529.012
- Công ty Cổ phần Lisemco	66.898.435.509	-	66.898.435.509	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	36.570.534.892	19.392.009.743	36.570.534.892	19.392.009.743
- Các khoản khác	67.584.141.822	25.299.860.863	54.392.977.639	17.583.519.269
c. Phải thu về cho vay	359.312.856.281	-	363.315.331.444	-
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	-	13.973.308.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	92.068.569.933	-	96.071.045.096	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	25.624.278.455	-	25.624.278.455	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	227.646.699.893	-	227.646.699.893	-
d. Phải thu ngắn hạn khác	363.374.898.790	-	363.323.739.136	-
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	11.112.235.998	-	11.128.889.942	-
- Công ty CP Lisemco	144.066.231.662	-	144.066.231.662	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.897.140.431	-	75.897.140.431	-
- Công ty CP Lilama 45.1	76.880.391.068	-	67.939.236.516	-
- Công ty CP Lilama 45.3	16.414.407.697	-	14.022.251.425	-
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	-	3.131.988.200	-
- Các đơn vị khác	35.872.503.734	-	47.138.000.960	-
	1.267.914.161.972	58.030.571.141	1.363.938.104.149	148.430.475.702

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10 .HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.297.321.725	-	1.514.663.225	-
Công cụ, dụng cụ	2.289.503.568	-	4.081.393.717	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	157.957.941.045	-	130.523.613.220	-
Hàng hoá	-	-	5.605.456.828	-
	161.544.766.338	-	141.725.126.990	-

(*) Chi tiết các dự án dở dang:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	12.334.628.610	12.334.628.610
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	58.363.842.284	28.609.889.772
- Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	-	23.432.339.000
- Trạm cắt 220KV Đắk Ooc và các đường dây 220KV đấu nối	23.420.321.069	18.353.737.259
- Nhà máy Hydrogen NEOM	-	39.440.097.127
- Nhà máy thép xanh H2GS	56.512.804.643	-
- Các công trình khác	7.326.344.439	8.352.921.452
	157.957.941.045	130.523.613.220

11 .CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (*)	35.609.189.360	30.749.483.207
	35.609.189.360	30.749.483.207

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 192/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022, Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương sẽ hoàn trả lại dự án trên, đối với các chi phí đã bỏ ra, Tổng Công ty sẽ làm việc với UBND Thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị được hoàn trả lại.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	87.582.752.216	16.637.389.197	310.283.014.365	7.106.558.957	5.517.160.082		427.126.874.817
- Mua trong năm	-	896.310.000	-	82.281.818	140.000.000		1.118.591.818
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(505.656.776)		(505.656.776)
Số dư cuối năm	87.582.752.216	17.533.699.197	310.283.014.365	7.188.840.775	5.151.503.306		427.739.809.859
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	52.166.536.649	12.501.892.471	290.522.083.559	6.528.069.823	4.892.810.138		366.611.392.640
- Khấu hao trong năm	2.825.900.098	1.512.565.582	2.122.873.236	217.969.093	274.591.670		6.953.899.679
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(505.656.776)		(505.656.776)
Số dư cuối năm	54.992.436.747	14.014.458.053	292.644.956.795	6.746.038.916	4.661.745.032		373.059.635.543
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	35.416.215.567	4.135.496.726	19.760.930.806	578.489.134	624.349.944		60.515.482.177
Tại ngày cuối năm	32.590.315.469	3.519.241.144	17.638.057.570	442.801.859	489.758.274		54.680.174.316

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 294.559.895.378 VND.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.519.650.908
Số dư cuối năm	<u>3.519.650.908</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	574.442.256
- Trích khấu hao	439.956.360
Số dư cuối năm	<u>1.014.398.616</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	2.945.208.652
Tại ngày cuối năm	<u>2.505.252.292</u>

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.597.679.212	1.868.049.000	12.465.728.212
Số dư cuối năm	<u>10.597.679.212</u>	<u>1.868.049.000</u>	<u>12.465.728.212</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.747.484.485	1.747.484.485
- Khấu hao trong năm	-	26.000.004	26.000.004
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>1.773.484.489</u>	<u>1.773.484.489</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	10.597.679.212	120.564.515	10.718.243.727
Tại ngày cuối năm	<u>10.597.679.212</u>	<u>94.564.511</u>	<u>10.692.243.723</u>

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.738.049.000 VND.

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là tổng giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nhằm cho thuê lâu dài. Bất động sản đầu tư có nguyên giá 57.127.963.520 VND, khấu hao lũy kế tính đến ngày 31/12/2024 là 44.007.628.598 VND, khấu hao trong năm là 2.305.156.152 VND, giá trị còn lại của tài sản là 13.120.334.922 VND.

Doanh thu từ bất động sản đầu tư phát sinh trong năm là 12.193.025.834 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước cơ quan Tổng Công ty	258.799.166	207.739.546
Chi phí trả trước dự án điện Vũng Áng 2	-	371.740.932
Chi phí trả trước dự án điện Vân Phong I	-	37.500.000
Chi phí trả trước dự án Nhà máy Hydrogen NEOM	105.829.165	227.410.838
Chi phí trả trước dự án điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	69.571.851	29.407.332
Chi phí trả trước dự án chế tạo thép xanh H2GS	251.599.259	-
	685.799.441	873.798.648
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước cho thuê cầu	3.167.350.005	3.426.623.052
Chi phí trả trước cơ quan Tổng Công ty	1.603.894.404	1.580.462.535
Chi phí trả trước tại dự án Bắc Vinh	241.701.517	-
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2	9.427.697.032	23.151.842.788
Chi phí trả trước dự án điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	11.823.315.580	26.603.381.650
Chi phí trả trước dự án Nhà máy Hydrogen NEOM	4.085.509.584	15.239.818.947
Chi phí trả trước thuê nhà xưởng (*)	84.825.000.000	-
Chi phí trả trước dự án chế tạo kết cấu thép 27 Module Dự án Thép xanh H2GS	246.042.936	-
	115.420.511.058	70.002.128.972

(*) Khoản chi phí trả trước đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Lilama 69.3 (bên liên quan) liên quan đến chi phí thuê mặt bằng và các khu vực tiện ích. Tổng Công ty trả trước phục vụ thực hiện các dự án gia công chế tạo kết cấu thép.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	358.060.519.339	358.060.519.339	375.770.204.764	375.770.204.764
- Công ty CP Lilama 5	27.691.246.047	27.691.246.047	37.929.876.634	37.929.876.634
- Công ty CP Lilama 7	2.952.773.216	2.952.773.216	5.511.700.254	5.511.700.254
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	14.037.419.431	14.037.419.431	12.748.804.103	12.748.804.103
- Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama	20.661.899.134	20.661.899.134	18.568.944.572	18.568.944.572
- Công ty CP Tư vấn Quốc tế LHT	2.177.318.878	2.177.318.878	2.239.717.678	2.239.717.678
- Công ty CP Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	10.522.789.822	10.522.789.822	18.430.749.357	18.430.749.357
- Công ty CP Lilama 10	25.790.216.324	25.790.216.324	-	-
- Công ty CP Lilama 18	188.894.203.525	188.894.203.525	257.695.938.037	257.695.938.037
- Công ty CP Lilama 69.1	45.469.464.370	45.469.464.370	4.653.860.379	4.653.860.379
- Công ty CP Lilama 69.3	19.863.188.592	19.863.188.592	17.990.613.750	17.990.613.750
Bên khác	1.099.108.720.262	1.099.108.720.262	1.486.459.228.844	1.486.459.228.844
- Doosan Heavy Industries Việt Nam Co.,Ltd	10.734.692.356	10.734.692.356	24.133.521.208	24.133.521.208
- Babcock & Wilcox Beijing	-	-	54.405.663.756	54.405.663.756
- Liên doanh Tập đoàn TOSHIBA và Tập đoàn SOJITZ	-	-	208.195.256.398	208.195.256.398
- Công ty CP xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	57.993.769.496	57.993.769.496	74.894.136.386	74.894.136.386
- Công ty Cổ phần FECON	118.508.326.678	118.508.326.678	105.091.636.335	105.091.636.335
- Hamon Research-Cottrell Italia S.P.A	158.309.775.482	158.309.775.482	151.289.894.630	151.289.894.630
- Phải trả nhà cung cấp khác	753.562.156.250	753.562.156.250	868.449.120.131	868.449.120.131
	1.457.169.239.601	1.457.169.239.601	1.862.229.433.608	1.862.229.433.608

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	11.801.842.181	430.314.749	40.795.186.804	74.262.871.522	45.372.398.525	533.186.375
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.743.892.812	-	39.664.278.788	39.664.278.788	1.743.892.812	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	23.390.338.013	184.958.715	1.429.069.356	1.062.108.634	23.148.750.506	310.331.930
Thuế Thu nhập cá nhân	-	257.472.267	6.446.780.153	6.543.738.258	-	160.514.162
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	7.622.388.285	7.622.388.285	-	-
Các loại thuế khác	14.768	-	-	-	14.768	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	10.624.619.785	10.624.619.785	-	-
	36.936.087.774	872.745.731	106.582.323.171	139.780.005.272	70.265.056.611	1.004.032.467

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**19 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam - Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	-	42.584.943.839
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú 1	40.866.656.986	40.777.498.144
Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA (*)	118.588.801.738	333.700.913.614
Thyssenkrupp Nucera Italy S.R.L. (**)	113.681.123.283	-
Các đối tượng khác	46.214.190.824	31.771.691.384
	319.350.772.831	448.835.046.981

(*) Khoản tạm ứng của Nhà thầu chính là Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng số 32017394 ngày 07 tháng 11 năm 2022 liên quan đến dự án gia công chế tạo và tổ hợp các thiết bị điện phân cho Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh tại Ả Rập Xê-út ("Kingdom of Saudi Arabia").

(**) Khoản tạm ứng của Nhà thầu chính là Thyssenkrupp Nucera Italy S.R.L cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng số 32021149/A000240660 ngày 12/07/2024 liên quan đến dự án gia công chế tạo tổ hợp các thiết bị sản xuất hydro cho dự án H2GS (Hydrogreen steel project).

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.007.395.207	1.465.616.252
- Dự án Nhiệt điện Văn Phong 1	32.054.045.243	118.142.736.992
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	60.073.449.364	108.832.877.647
- Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	20.913.979.780	60.685.590.502
- Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2	934.960.469	934.960.469
- Dự án Nhiệt điện Long Phú 1	7.937.324.462	7.937.324.462
- Dự án Nhiệt điện Barth Ấn Độ	9.347.532.525	9.347.532.525
- Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4	300.348.067.483	238.174.855.809
- Dự án Hydrogen Neom	280.124.783.107	149.798.432.406
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2	10.929.241.686	-
- Chi phí phải trả khác	58.950.185.761	68.568.301.838
	782.620.965.087	763.888.228.902

Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan

- Công ty Cổ phần Lilama 5	9.175.592.126	7.726.222.812
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	132.004.133	87.194.617
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	7.937.324.462	7.937.324.462
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	6.891.686.263	1.666.113.245
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	4.507.776.919	2.816.694.046
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	22.725.325.818	1.644.832.300
- Công ty Cổ phần Lilama 10	349.470.911.202	164.164.075.938
- Công ty Cổ phần Lilama 18	45.926.394.128	22.582.289.608
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	364.434.400	66.220.625.520
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	247.787.283	1.928.811.474
	447.379.236.734	276.774.184.022

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê văn phòng	104.730.000	104.730.000
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	638.611.460	638.611.460
	743.341.460	743.341.460
b) Dài hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	13.714.796.931	14.353.408.391
	13.714.796.931	14.353.408.391

22 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.499.032.100	1.235.831.400
- Bảo hiểm xã hội	819.587.725	803.598.346
- Phải trả về cổ phần hoá	200.000.000	200.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.100.000	124.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	349.103.625	248.299.125
- Doosan Heavy Industries & Construction Co.,Ltd	1.278.881.277	1.278.881.277
- Hamon Research-Cottrell GmbH ^(*)	157.790.201.000	150.793.359.500
- Đội thi công số 1 thuộc Tổng Công ty ^(**)	23.507.993.137	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.445.184.834	5.593.943.025
	197.014.083.698	160.278.012.673
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.151.886.839	1.151.886.839
	1.151.886.839	1.151.886.839

(*) Khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ký kết với nhà thầu Hamon Research-Cottrell GmbH (Hamon) theo các gói thầu M05-FGD và M06-ESP với tổng số tiền 6.175.500 USD thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 phát sinh từ năm 2022. Do chưa xác định được đầy đủ nghĩa vụ phải trả cũng như các chi phí có thể phát sinh liên quan đến Hamon, chủ đầu tư và các bên liên quan khác nên Tổng Công ty chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024 khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng nêu trên. Đồng thời, Tổng Công ty đang theo dõi sát sao tình hình thực hiện thủ tục phá sản, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của Hamon để có các phương án giải quyết phù hợp. Giá trị biến động tăng trong năm do ảnh hưởng của đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối năm.

(**) Khoản tiền phải trả cho đội thi công số 1 trực thuộc Tổng Công ty liên quan đến dự án Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2.

22 . PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Lilama 5	22.297.430	22.297.430
- Công ty Cổ phần Lilama 7	37.943.040	67.109.784
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	36.154.944	147.064.736
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	17.046.528	13.403.520
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.517.001	57.018.632
- Công ty Cổ phần Lilama 10	-	65.654.264
- Công ty Cổ phần Lilama 18	397.373.536	625.943.574
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	77.688.672	77.688.672
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	42.240.000	42.240.000
	632.261.151	1.118.420.612

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	167.535.646.441	30.299.959.109
	167.535.646.441	30.299.959.109
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	421.364.053.360	80.320.138.012
	421.364.053.360	80.320.138.012

25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	797.261.040.000	77.877.980.000	31.927.013.601	907.066.033.601
Lãi trong năm trước	-	-	58.431.025.999	58.431.025.999
Phân phối lợi nhuận	-	7.985.635.071	(22.337.985.011)	(14.352.349.940)
Số dư cuối năm trước	797.261.040.000	85.863.615.071	68.020.054.589	951.144.709.660
Số dư đầu năm nay	797.261.040.000	85.863.615.071	68.020.054.589	951.144.709.660
Lãi trong năm nay	-	-	94.215.472.485	94.215.472.485
Phân phối lợi nhuận	-	16.161.623.514	(64.047.896.814)	(47.886.273.300)
Số dư cuối năm nay	797.261.040.000	102.025.238.585	98.187.630.260	997.473.908.845

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 183/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	16.161.623.514
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.517.726.500
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	491.800.000
Chi trả cổ tức (bằng 4,5% vốn điều lệ)	35.876.746.800

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Bộ Xây dựng	97,88	780.324.040.000	97,88	780.324.040.000
Các cổ đông khác	2,12	16.937.000.000	2,12	16.937.000.000
	100	797.261.040.000	100	797.261.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.040.000	797.261.040.000
- Vốn góp đầu năm	797.261.040.000	797.261.040.000
- Vốn góp cuối năm	797.261.040.000	797.261.040.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	248.299.125	232.353.375
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	35.876.746.800	7.972.610.400
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	35.876.746.800	7.972.610.400
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(35.775.942.300)	(7.956.664.650)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(35.775.942.300)	(7.956.664.650)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	349.103.625	248.299.125

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	79.726.104	79.726.104
- Cổ phiếu phổ thông	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.726.104	79.726.104
- Cổ phiếu phổ thông	79.726.104	79.726.104
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	102.025.238.585	85.863.615.071
	102.025.238.585	85.863.615.071

26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

- Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 6.505 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm đường, sân vườn, công trình phụ trợ, diện tích tăng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp cao tầng làm việc và nhà ở với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23/03/2010. Diện tích khu đất thuê là 1.467,4 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh với thời hạn thuê đến hết ngày 18/12/2048. Diện tích khu đất thuê là 220.401,2 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để làm bãi thi công, kho chứa tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu công trình, văn phòng làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên phục vụ cho thi công các dự án. Thời hạn thuê đất theo thời gian thực hiện dự án và tiền thuê được căn cứ theo từng hợp đồng cụ thể.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	49.760.112,41	39.296.366,78
- Đồng Euro (EUR)	1.796.540,98	1.105.176,66

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	5.995.741.117.805	4.960.207.412.648
Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.022.774.409	53.095.607.312
Doanh thu chuyển nhượng hàng hóa bất động sản	10.916.000.000	-
	6.063.679.892.214	5.013.303.019.960
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	32.313.522.476	35.983.303.501

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	5.894.063.242.812	4.817.729.352.308
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	62.700.016.278	68.668.818.206
Giá vốn của hàng hóa bất động sản	5.605.456.828	-
	5.962.368.715.918	4.886.398.170.514
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	1.486.824.105.721	1.397.108.337.464

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**29 .DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	41.090.643.486	68.806.200.770
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.283.352.000	65.589.137.675
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	35.486.944.497	34.270.376.328
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	41.327.570.894	3.972.157.775
	141.188.510.877	172.637.872.548
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	18.273.635.824	56.952.762.095

30 .CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	83.499.291.836	84.977.996.058
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	22.924.451.269	20.493.123.096
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	10.086.465.378	27.367.948.853
Dự phòng lãi vay khó đòi	11.333.310.824	11.373.664.920
Chi phí tài chính khác	118.908.817	286.111.652
	127.962.428.124	144.498.844.579

31 .CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.827.430	282.458.950
Chi phí nhân công	36.829.348.976	38.405.728.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.518.338.795	3.626.757.530
Thuế, phí, lệ phí	111.709.555	3.593.582.434
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(16.957.348.440)	34.119.448.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.086.557.811	7.786.585.534
Chi phí khác bằng tiền	4.634.708.384	12.816.311.281
	39.350.142.511	100.630.872.344
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	196.363.636	196.363.636

32 .THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	408.690.410	591.875.166
Thu nhập khắc phục sự cố của nhà thầu phụ	382.026.695	831.529.976
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	19.611.868.382	2.783.731.161
Thu nhập khác	100.513.976	91.222.087
	20.503.099.463	4.298.358.390
Trong đó: Thu từ bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	408.690.410	5.938.000

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.499.195.060	57.691.191.140
Các khoản điều chỉnh tăng	4.258.089.385	243.345.021
- Chi phí không hợp lệ	45.674.160	243.345.021
- Chi phí lãi vay không được trừ theo ND 132/2020/ND-CP	4.212.415.225	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(118.875.189.247)	(90.326.678.729)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(23.283.352.000)	(65.589.137.675)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(56.997.444.234)	(24.737.541.054)
- Hoàn nhập dự phòng đã loại khỏi chi phí được trừ các năm trước	(38.537.593.013)	-
- Các khoản điều chỉnh năm trước hạch toán năm nay	(56.800.000)	-
- Chuyển lỗ tính thuế các năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(26.117.904.802)	(32.392.142.568)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(23.105.772.643)	(18.105.772.643)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(5.000.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD chính	(23.105.772.643)	(23.105.772.643)
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	7.145.346.781	924.793.574
Thu nhập tính thuế TNDN	7.145.346.781	924.793.574
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.429.069.356	184.958.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(99.606.655)	(284.565.370)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.062.108.634)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	267.354.067	(99.606.655)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.429.069.356	184.958.715
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(22.838.418.576)	(23.205.379.298)

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (dự phòng khoản đầu tư)	2.310.240.000	2.310.240.000
	2.310.240.000	2.310.240.000

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.644.131.203	73.998.125.107
Chi phí nhân công	422.063.525.938	304.162.631.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.725.012.195	15.326.329.159
Trích lập dự phòng	(16.957.348.440)	34.119.448.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	658.724.960.067	213.818.440.763
Chi phí thuê thầu phụ	4.649.181.736.358	3.948.929.568.491
Chi phí khác bằng tiền	249.133.576.105	91.189.408.678
	6.023.515.593.426	4.681.543.952.304

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Đầu tư dài hạn	-	80.928.064.800	-	80.928.064.800
	-	80.928.064.800	-	80.928.064.800
Tại ngày 01/01/2024				
Đầu tư dài hạn	-	71.432.083.700	-	71.432.083.700
	-	71.432.083.700	-	71.432.083.700

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.907.867.001.409	-	-	2.907.867.001.409
Phải thu khách hàng, phải thu khác	985.405.823.909	8.742.000.000	-	994.147.823.909
	<u>3.893.272.825.318</u>	<u>8.742.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.902.014.825.318</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.663.968.217.129	-	-	2.663.968.217.129
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.358.337.578.051	8.742.000.000	-	1.367.079.578.051
	<u>4.022.305.795.180</u>	<u>8.742.000.000</u>	<u>-</u>	<u>4.031.047.795.180</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	952.739.379.406	1.108.474.582	-	953.847.853.988
Phải trả người bán, phải trả khác	1.654.183.323.299	1.151.886.839	-	1.655.335.210.138
Chi phí phải trả	782.620.965.087	-	-	782.620.965.087
	<u>3.389.543.667.792</u>	<u>2.260.361.421</u>	<u>-</u>	<u>3.391.804.029.213</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	1.243.848.913.292	1.808.563.786	-	1.245.657.477.078
Phải trả người bán, phải trả khác	2.022.507.446.281	1.151.886.839	-	2.023.659.333.120
Chi phí phải trả	763.888.228.902	-	-	763.888.228.902
	<u>4.030.244.588.475</u>	<u>2.960.450.625</u>	<u>-</u>	<u>4.033.205.039.100</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.857.670.309.183	1.206.009.583.031	6.063.679.892.214
Tài sản bộ phận	5.439.916.999.953	16.930.636.761	5.456.847.636.714
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.118.591.818	-	1.118.591.818

40 .NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 7	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	32.313.522.476	35.983.303.501
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	4.749.256.033	8.011.476.865
Công ty Cổ phần Lilama 5	1.438.648.078	78.556.402
Công ty Cổ phần Lilama 7	1.229.544.294	750.038.461
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	663.534.220	1.096.625.430
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	368.739.556	14.912.656
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	681.671	6.852.205
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	156.670.080	164.305.600
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	1.338.097.144	413.290.434
Công ty Cổ phần Lilama 10	9.003.249.099	1.814.624.692
Công ty Cổ phần Lilama 18	13.222.262.274	19.257.490.940
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	31.697.546	3.442.356.704
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	111.142.481	932.773.112
Chi phí quản lý doanh nghiệp	196.363.636	196.363.636
Công ty Cổ phần Lilama 18	196.363.636	196.363.636

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.486.824.105.721	1.397.108.337.464
Công ty Cổ phần Lilama 5	48.463.001.002	44.608.555.368
Công ty Cổ phần Lilama 7	39.186.230.279	24.357.103.306
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	26.692.626.823	25.668.011.868
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	-	1.052.291.566
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	5.275.376.702	17.597.844.562
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	28.354.082.864	25.271.269.078
Công ty Cổ phần Lilama 10	518.818.890.312	322.327.335.953
Công ty Cổ phần Lilama 18	649.755.847.996	899.734.712.091
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	65.359.602.802	26.111.688.672
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	104.918.446.941	10.379.525.000
Cổ tức được chia	6.940.325.000	45.579.097.175
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.560.400.000	3.560.400.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	3.379.925.000	3.379.925.000
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	-	38.638.772.175
Lãi cho vay, lãi trả chậm	11.333.310.824	11.373.664.920
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	8.941.154.552	8.988.044.594
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	2.392.156.272	2.385.620.326
Thu nhập khác	408.690.410	5.938.000
Công ty Cổ phần Lilama 10	-	5.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	408.690.410	-
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	938.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của Hội đồng quản trị	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch HĐQT	650.400.000	585.600.000
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/06/2024)	(*)	(*)
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên HĐQT	483.600.000	259.800.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ ngày 28/06/2024)	(*)	(*)

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

<u>Thu nhập của Ban Tổng giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2024)	597.900.000	519.600.000
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2024)	516.600.000	628.800.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	525.600.000	435.600.000
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1/10/2024)	404.700.000	519.600.000
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc	483.600.000	435.600.000
<u>Ban Kiểm soát</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	454.800.000	409.200.000
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

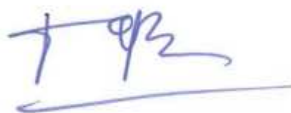
41 .SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Lại Việt Tân

Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025


Tô Phi Sơn

Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Hùng**

Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP
Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

PHỤ LỤC 1 : VAY NGÂN HÀNG

STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2024 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 02/2022/518/HĐTDHM/SD ngày 21/03/2022	4.200.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Theo từng kế ước nhận nợ và đến ngày 29/05/2026	502.339.629.178	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C đối với Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/518/HĐTDHM ngày 18/07/2024	2.600.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến hết ngày 30/06/2025	167.279.672.524	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà theo hợp đồng cấp tín dụng số 01/2024/518/HĐTDHM ngày 22/07/2024	200.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến hết ngày 30/06/2025	8.059.421.610	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp; không bao gồm việc cấp tín dụng cho Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 114/2024/HĐTD/PHG ngày 24/05/2024	1.300.000.000.000	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	12 tháng	8.716.790.923	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 và Dự án nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Không có tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 145/2024/HĐTD/PHG ngày 24/05/2024	600.000.000.000	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	12 tháng	130.568.900.624	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023/HĐCVTL/NHCT320-LILAMA44 ngày 02/02/2023	280.000.000.000	Được xác định theo từng Giấy nhận nợ	Thời hạn giải ngân đến hết ngày 26/10/2025	9.212.638.943	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công lắp đặt BOP Equipment, Piping & Field Tank thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023/HĐCVTL/NHCT320-LILAMA43 ngày 02/02/2023	260.000.000.000	Được xác định theo từng Giấy nhận nợ	Thời hạn giải ngân đến hết ngày 26/10/2025	26.440.306.333	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công lắp đặt ESP, FGD & CHS, AHS thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2;	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB) - chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Khách hàng Doanh nghiệp Sô giao dịch theo hợp đồng cho vay từng lần số 2586144.24 ngày 15/05/2024	500.000.000.000	Được xác định theo từng Giấy nhận nợ	12 tháng	99.421.930.067	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Tổng cộng					952.039.290.202		

PHỤ LỤC 2 : VAY DÀI HẠN

STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Tài sản thuê	Thời hạn thuê (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Dư nợ gốc vay dài hạn đến 31/12/2024 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)
6	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000309/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%	368.902.770	142.801.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000308/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%	719.830.508	278.644.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000310/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%	719.830.508	278.644.068
Tổng cộng					1.808.563.786	700.089.204

